

KHUYẾN PHÁT BỒ-ĐỀ TÂM**QUYỂN HẠ**

- Môn thọ ba nhóm tịnh giới của Bồ-tát.
Môn được, xả.
Môn tự thọ giới Bồ-tát.
Môn nghĩ là tám hơn năm.
Môn nghe pháp.
Môn nói pháp.
Môn phương tiện nhiếp sinh.
Môn cầu pháp.
Môn nhập pháp.
Môn ủng hộ chánh pháp.
Môn mười thứ phân biệt của luận Lục độ Y Trang Nghiêm.
Môn bảy tự nhiều ích.
Môn Bồ-tát hy vọng.
Môn Sáu quyết định nên làm.
Môn chín thứ phân biệt của sáu độ Du-già.
Môn năm tướng gọi là Ba-la-mật.
Môn bảy tướng thí đều thanh tịnh (nghĩa là thí, kiến, tâm, ngữ, trí và chứa giấu sáu phương là mười bốn).
Môn Bảy phi điền không nên bố thí.
Môn bốn nhiếp như độ chín thứ.
Môn chín đều được quả.
Môn mười nghiệp mắc quả báo thọ mạng ngắn ngủi.
Môn báo mười nghiệp sống lâu.
Môn mười nghiệp nhiều bệnh, không bệnh.
Môn mười nghiệp báo xấu, tốt.
Môn mười nghiệp sinh dòng họ hạ, thượng.
Môn mười công đức lễ tháp.
Môn mười công đức thí lọng dù.
Môn mười công đức bố thí cờ phướn.

Môn mười công đức bố thí thức uống.
 Môn mười công đức thí y.
 Môn thí đồ đựng và thức uống, ăn được mười công đức.
 Môn mười công đức thí hương.
 Môn mười công đức thí đèn.
 Môn mười công đức cung kính, chấp tay.

- Môn Thọ ba nhóm tịnh giới của Bồ Tát:

Đại Đường, Tam tạng Pháp sư truyền chánh pháp tạng của Tây vực thọ pháp giới Bồ-tát.

Khi sắp thọ giới Bồ-tát, trước phải dạy phát tâm tha thiết, thanh tịnh, hoặc lại một năm, ít nhất là bảy ngày trì trai, lễ bái, bỏ các nghiệp ác, làm các việc lành, nuôi lớn tâm thanh tịnh. Tuy nhiên, được phép thọ dùng, nếu có duyên sự. Không được trước dạy phát tâm ân cần thanh tịnh. Khi muốn thọ giới, phải phát tâm sâu nặng mới cho thọ giới.

Tâm sâu nặng nghĩa là dứt tất cả ác, tu tất cả lành, tâm độ thoát tất cả chúng sinh. Nếu là người trước đây chưa từng quy y Tam-bảo, thì dạy quy y; nếu là người đã từng quy y thì không cần dạy nữa.

Quy y rằng: “Đệ tử tên là... Nguyện từ thân này cùng tận đến vị lai, quy y Phật lưỡng túc tôn, quy y Pháp ly dục tôn; quy y Tăng chúng trung tôn (ba lần nói như thế)”.

Đệ tử tên là... Nguyện từ thân này cùng tận đến vị lai, quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi (nói ba lần).

Từ nay trở đi, gọi Đức Phật là thầy, không dám quy ngoại đạo, tà ma khác, cúi mong Tam bảo từ bi nhiếp thọ.

Tiếp theo, sư dạy thỉnh xong, truyền cho giới Bồ-tát.

Đệ tử tên là... Nay, ở chỗ sư, cầu thọ giới Bồ-tát. Đại đức đối với con vì thương xót không nề hà khó nhọc (nói ba lần) Giới sư đáp: “Tốt”.

Tiếp theo, Hòa thượng dạy thỉnh Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai trao cho giới rằng:

Đệ tử tên là... Phụng thỉnh Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng chánh đẳng giác, trao cho giới Bồ-tát, con vì y chỉ Hòa thượng nên được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót cho con (nói ba lần).

Tiếp theo, dạy thỉnh Mạn-thù-thất-lợi làm A-xà-lê rằng:

Đệ tử tên là... Phụng thỉnh Bồ-tát Ma-ha-tát Mạn-thù-thất-lợi làm A-xà-lê truyền giới Bồ-tát, con vì y chỉ A-xà-lê, nên được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót con (nói ba lần).

Tiếp theo, dạy thỉnh Bồ-tát Di-lặc làm Giáo thọ sư, rằng:

Đệ tử tên là... Phụng thỉnh Bồ-tát Ma-ha-tát Di-lặc làm thầy giáo thọ, con vì y chỉ thầy giáo thọ, nên được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót con (nói ba lần).

Tiếp theo, dạy thỉnh chư Phật mười phương làm sư chứng giới rằng:

Đệ tử tên là... phụng thỉnh chư Phật, Như Lai Ứng Chánh Đẳng giác mười phương, làm sư chứng giới truyền giới Bồ-tát. Con nhờ y chỉ sư chứng giới, nên được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót con (nói ba lần).

Tiếp theo dạy thỉnh Bồ-tát mười phương làm bạn đồng pháp:

Đệ tử tên là... phụng thỉnh tất cả Bồ-tát Ma-ha-tát mười phương làm bạn đồng pháp thọ giới Bồ-tát, con vì y chỉ đồng pháp, nên được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót con (nói ba lần).

Tiếp theo, dạy phát tâm Bồ-đề rằng: “Tâm Bồ-đề: Rộng thì vô biên, lược có ba thứ”;

1- Chán lìa tâm hữu vi.

2- Hân hoan cầu tâm Bồ-đề.

3- Nghĩ sâu sắc tâm chúng sinh. Chán lìa tâm hữu vi: Tức là nói rộng, lỗi lầm sinh tử, khiến sinh tâm rất chán lìa.

Năm pháp tương tự biến cả sinh tử, được mang tên biến cả:

1- Vì tương tự một xứ sở Vô biên

2- Vì tương tự rất sâu

3- Vì tương tự khó suy lường

4- Vì tương tự không thể uống

5- Vì tương tự đối tượng nương tựa bấu lớn.

Tâm cầu Bồ-đề: Tức là nói rộng, công đức mà ba thân Bồ-đề đã có, khiến sinh tâm hớn hở mong cầu.

Niệm sâu tâm chúng sinh: Tức là nói rộng oán thân bình đẳng, sao cho đều sinh tử bi, phát tâm độ thoát.

Tiếp theo nói: “Này người thiện nam, thiện nữ! Hãy lắng nghe, nay ta hỏi ông, ông nghĩ thế nào thì đáp thế ấy”:

Ông đã phát tâm Bồ-đề chưa? (Dạy đáp: đã phát).

Tiếp theo, dạy sám hối rằng:

Đệ tử tên là... kính bạch tất cả chư Phật tận hư không khắp pháp giới, bậc tôn quý trong bậc lương túc; tất cả các pháp, bậc tôn quý trong hàng ly dục; tất cả tăng bảo, bảo Tôn quý trong các chúng.

Đệ tử pháp danh là... Từ sinh tử vô thỉ trở lại, cho đến ngày nay

đã bị vô lượng phiền não tham, giận, si, v.v... làm não loạn thân, tâm, tạo rộng các thứ tội, đó là phá tháp, hoại chùa, đốt kinh, tượng; trộm sử dụng vật của Tam bảo; chê bai pháp Ba thừa, nói là không phải Thánh giáo, chướng ngại lưu nạn, ẩn lấp che giấu. Đối với tất cả người xuất gia, hoặc có giới, hoặc không có giới, giữ giới, phá giới; đánh mắng, quở trách, nổi lỗi xấu ác của người xuất gia kia, cấm đóng lao ngục, hoặc đoạt ca-sa, khiến trở lại tục; khu dịch sai khiến; trách cứ điều phục của người xuất gia kia; cắt đứt mạng sống của họ; hoặc giết cha, hại mẹ, làm thân Phật ra máu; giết A-la-hán, phá tăng hòa hợp; khởi tà kiến rộng lớn, chê bai không có luật nhân quả, đê mê dâm dục thường được gây ra mười nghiệp bất thiện, đó là bất thiện của thân nghiệp; sát, trộm, dâm, bất thiện của ngũ nghiệp: nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi đôi chiều, nói lời hung ác. Bất thiện của ý nghiệp: Tham, giận, tà kiến.

Làm ô cha, ô mẹ, ô Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ô chỗ tăng-già-lam; phá trai, phá giới, uống rượu, ăn thịt; khinh chê Tam bảo; não loạn chúng sinh, tự làm, xúi giục người khác làm, thấy người khác làm, mà tùy hỷ.

Vô lượng vô biên tội như thế, không thể đếm biết.

Ngày nay, đệ tử xin thành tâm phát lộ sám hối. Một khi sám rồi, về sau, sẽ dứt trừ tâm nối nhau, cùng tận đời vị lai, không bao giờ dám làm nữa.

Cúi mong Tam bảo từ bi chứng minh, khiến cho tội chướng của đệ tử chúng con đều được tiêu diệt!.

Tiếp theo, nói về ba nhóm tụ tướng giới của Bồ-tát:

- 1- Giới luật nghi: Thề dứt hết tất cả điều ác.
- 2- Giới nhiếp thiện pháp: Thề tu hết tất cả việc lành.
- 3- Giới lợi ích hữu tình: Thề độ tận tất cả chúng sinh.

Tiếp theo nói: “Này người thiện nam, thiện nữ! Hãy lắng nghe, nay ta hỏi ông, ông nghĩ thế nào thì đáp thế ấy.

Ông có phải là Bồ-tát hay không? (Đáp: Phải).

Nói Bồ-tát: Tin thật trong thân này có chủng tánh Bồ-tát, có khả năng thọ lãnh tịnh giới Bồ-tát, gọi là Bồ-tát, không phải đã có chứng, gọi là Bồ-tát.

Tiếp theo, theo chánh thọ, khiến lắng nghe phát tâm sâu nặng rằng: “Này người thiện nam, thiện nữ! Nay các người ở chỗ ta, cầu thọ tất cả Học xứ của Bồ-tát, cầu thọ tất cả tịnh giới của Bồ-tát, cái gọi là giới luật nghi, giới nhiếp thiện pháp; giới nhiều ích hữu tình. Các học xứ này, các tịnh giới này, tất cả Bồ-tát quá khứ đã học; tất cả Bồ-tát vị lai sẽ học; tất cả các Bồ-tát hiện tại đang học. Từ giờ phút này, cho đến

tận cùng mé vị lai, các người không được trái phạm, có giữ được không? (dạy đáp: “Giữ được”(nói ba lần)).

Tiếp theo, người thọ giới tự xưng tên mình, cung thỉnh chư Phật chứng minh, đứng dậy, tay bưng lư hương (nếu chỗ ngồi trên cao, không cần đứng lên) nói rằng:

Đệ tử pháp danh... kính bạch tất cả chư Phật tận hư không khắp pháp giới, nay ở già-lam ... thôn xóm Địa điểm của chủ, người châu Thiệm Bộ, một tứ thiên hạ của thế giới sách ha này, trong đạo tràng này, có rất nhiều Bồ-tát đến chỗ con (nói ba lần) để cầu thọ giới Bồ-tát. Con đã làm chứng cho họ, cúi mong đáng từ bi cũng làm chứng cho họ (lễ bái, thỉnh ba lần).

Tiếp theo, sẽ vì nói ba phẩm tâm thọ giới. Ở chỗ chư Phật mười phương, có tướng ba phẩm hiện: hoặc gió mát; hương thơm; hoặc âm thanh lạ, hoặc ánh sáng, v.v... các thứ tướng hiện. Các Bồ-tát kia đều hỏi Phật: “Vì nhân duyên gì mà có tướng hiện? Chư Phật kia đều đáp: “Ở thế giới Sách-ha, chỗ... tại xứ xứ... Có rất nhiều Bồ-tát... ở chỗ sư ... mới thọ giới Bồ-tát. Nay xin chứng minh, cho nên có tướng của ba phẩm này hiện”.

Các Bồ-tát ở mười phương kia đều sinh tâm vui mừng và đều nói: “Các hữu tình có nghiệp ác phiền não đầy đủ tạp nhiễm như thế, ở xứ sở cực ác như thế, mà phát được tâm rất vượt hơn như thế, để thọ giới Bồ-tát, thì thật là ít có, sinh rất thương xót, ở chỗ các ông, khởi tâm đồng phạm hạnh, cho nên các ông phải hết lòng hộ trì tịnh giới, không tiếc thân mạng, chớ nên hủy phạm.

Tiếp theo vì nói tướng trì, phạm, cho đến gìn giữ trói buộc một ngọn cỏ, cũng có trì, phạm.

Tướng giới Bồ-tát không thể nói rộng, nay lược nói giới trọng, là bốn Ba-la-di.

Ba-la-di; Hán dịch là: “Tha Thắng Xứ”. Pháp thiện lợi ích mình gọi là Tự; pháp ác tổn hại mình gọi là Tha. Nếu phạm bốn pháp này, thì pháp ác sẽ thêm lớn, sẽ tổn hại mình, gọi là Tha Thắng Xứ.

Này người thiện nam, thiện nữ, hãy lắng nghe:

1- Nếu có Bồ-tát ở chỗ giới sư, nói ba lần cầu thọ giới Bồ-tát rồi, vì tiếng tăm, lợi dưỡng, khen mình, chê người, thì không phải Bồ-tát chân thật, là Bồ-tát giả hiệu, không có hổ thẹn, phạm Ba-la-di. Các ông từ nay, thân cùng tận đời vị lai, không được trái phạm, có giữ được không? (Đáp: giữ được).

Người thiện nam, thiện nữ hãy lắng nghe.

2- Nếu có Bồ-tát ở chỗ giới sư, nói ba lần cầu thọ giới Bồ-tát rồi, có cửa, có pháp, có người đến cầu xin, keo kiệt không bố thí, thì không phải Bồ-tát chân thật, là Bồ-tát giả danh, không có hổ thẹn, phạm Ba-la-di. Các ông từ nay, thân cùng tận đời vị lai, không được trái phạm, có thể giữ được không? (Đáp: giữ được).

Người thiện nam, thiện nữ hãy lắng nghe.

3- Nếu có Bồ-tát ở chỗ giới sư, nói ba lần cầu thọ giới Bồ-tát rồi, thời gian trước đã cùng người khác, tranh chấp chống trái nhau. Người khác đến cầu ăn năn, do tâm giận hờn, nên không thuận theo lời thỉnh của người kia, đã không đối với người, nhanh chóng chấp nhận cầu sám hối, thì không phải Bồ-tát, là Bồ-tát giả danh, không có hổ thẹn phạm Ba-la-di. Các ông từ nay, thân cùng tận đời vị lai, không được trái phạm, có giữ được không? (Đáp: giữ được).

4- Người thiện nam, thiện nữ hãy lắng nghe:

Nếu có Bồ-tát ở chỗ giới sư, nói ba lần cầu thọ giới Bồ-tát rồi, khởi tâm tà kiến, chê bai mắng nhiếc Tam bảo, chê bai Đại thừa nói là chẳng phải do Phật nói, thì không phải Bồ-tát chân thật, là Bồ-tát giả danh, không có hổ thẹn, phạm Ba-la-di. Các ông từ nay, thân cùng tận đời vị lai, không được trái phạm, có giữ được không? (Đáp: Giữ được).

Trên đã thọ giới chính là khởi hạnh, khởi hạnh đã xong.

Tiếp theo dạy phát nguyện rằng:

Đệ tử pháp danh là Nguyện đem công đức đã sinh do sám hối, thọ giới như thế, hồi hướng bố thí cho tất cả chúng sinh, người chưa lìa khổ, nguyện đều lìa khổ; kẻ chưa được vui nguyện cho được vui; người chưa phát tâm Bồ-đề nguyện cho phát tâm Bồ-đề, dứt ác làm lành, người chưa thành Phật, nguyện sớm thành Phật. Lại, dùng công đức đã sinh như thế, chung cho tất cả chúng sinh, bỏ thân này được sinh về cõi trời Đổ-Sử-Đa, được thấy Đức Di-lặc, ba hội Long Hoa, nguyện đứng hàng đầu, nghe pháp, ngộ đạo, chứng Vô sinh nhẫn, được thần thông rộng lớn, đi khắp mười phương, thờ phụng chư Phật, thường nghe chánh pháp Đại thừa Vô thượng. Lại, dùng công đức đã sinh như thế, nguyện chung cho tất cả chúng sinh, đời đời kiếp kiếp lìa hẳn thân địa ngục, lìa hẳn thân súc sinh, lìa hẳn thân ngạ quỷ, lìa hẳn thân biên địa thấp hèn, lìa hẳn thân không tự tại, lìa hẳn thân người nữ, thường ở trong Phật pháp, tu hành thanh tịnh, làm đại thiện tri thức cho tất cả chúng sinh, nguyện cho tất cả chúng sinh nghe tên con, phát tâm Bồ-đề, thấy thân con, dứt ác làm lành. Người nghe con nói pháp sẽ được trí tuệ rộng lớn. Kẻ biết tâm con, sẽ sớm được thành Phật.

- Môn Đắc xả:

Bồ-tát Địa quyển 40 chép: “Bồ-tát đối với bốn pháp Tha Thắng Xứ hễ phạm bất cứ một pháp nào thì không còn khả năng tăng trưởng ở trong hiện pháp, nhiếp thọ tư lương Đại Bồ-đề rộng lớn của Bồ-tát, không còn khả năng ý lạc thanh tịnh ở trong hiện pháp, hướng chi là phạm tất cả, đây gọi là Bồ-tát tương tự, không phải Bồ-tát chân thật”.

Nếu Bồ-tát dùng triền phẩm trung của nhu nhuyến, hủy phạm bốn pháp Tha Thắng xứ, không bỏ luật nghi tịnh giới của Bồ-tát. Triền phẩm thượng phạm gọi là xả. Nếu các Bồ-tát hủy phạm bốn pháp Tha Thắng xứ, thường thường hiện hành, đều không có hổ thẹn, sinh ái dục sâu, thấy công đức này, nên biết gọi là triền phẩm thượng phạm, chẳng phải các Bồ-tát tạm hiện hành một pháp Tha Thắng Xứ, ấy là bỏ luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, như các Bí-sô phạm pháp Tha Thắng xứ, tức là xả giới Biệt giải thoát.

Nếu các Bồ-tát do sự hủy phạm này, từ bỏ luật nghi tịnh giới của Bồ-tát thì chịu được gánh vác, như Bí-sô trụ giới biệt giải thoát, phạm pháp Tha Thắng xứ, không gánh vác trong hiện pháp, phải thọ lại.

Lược do hai duyên xả luật nghi tịnh giới của các Bồ-tát:

1- Bỏ nguyện đại Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng.

2- Triền phẩm thượng hiện hành, phạm pháp Tha Thắng Xứ.

Nếu các Bồ-tát dù chuyển vận thân khắp các cõi mười phương, tồn tại ở chỗ sinh, không xả luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, do Bồ-tát này không xả đại nguyện Bồ-đề Vô thượng, cũng không hiện hành triền phẩm thượng, phạm pháp Tha Thắng xứ.

Nếu các Bồ-tát chuyển vận thọ sự sinh khác, quên mất niệm gốc, gặp bạn lành, vì muốn giác ngộ niệm giới Bồ-tát, dù thường thọ lại, mà chẳng phải mới thọ, cũng không phải mới được.

Y cứ Bồ-tát Địa quyển 75 có bốn duyên xả:

1- Quyết định phát khởi tâm thọ, tâm không đồng phần.

2- Vì ở trước đại tượng phu, có nhận thức riêng, nên ý phát khởi bỏ lời nói năng.

3- Hủy phạm chung, riêng.

4- Pháp vượt hơn của người.

Bốn do triền phẩm tăng thượng, hủy phạm chung, riêng, thuận theo bốn pháp Tha Thắng xứ. Lại, tất cả trái phạm của Bồ-tát này, phải biết đều là thuộc về ố tác, lẽ ra phải hưởng đến có sức, đối với nghĩa ngữ biểu, chủ thể giác, chủ thể thọ Bồ-đặc-già-la Tiểu thừa, Đại thừa,

mà phát lộ sám hối trừ diệt.

Nếu các Bồ-tát do triển phẩm thượng trái phạm pháp tha Thắng xứ như trên, mất đi luật nghi giới, thì lẽ ra phải thọ lại.

Nếu triển phẩm trung trái phạm pháp tha Thắng xứ như trên, thì lẽ ra phải đối với ba Bồ-đặc-già-la; hoặc vượt qua số này, nên như pháp phát lộ trừ pháp ố tác. Trước hết phải trình bày lại danh, sự đã phạm, nên tạo ra thuyết này: “Xin trưởng lão Tôn túc nghĩ nhớ; hoặc nói: “Đại đức! Tôi như thế gọi là trái phạm pháp Tỳ-nại-da của Bồ-tát, như sự đã gọi; phạm tội ố tác, pháp khác như Bí số phát lộ sám hối. Diệt pháp tội ố tác, nên nói như thế này: “Nếu triển phẩm hạ trái phạm pháp tha Thắng xứ như trên và tráo phạm pháp khác, thì lẽ ra phải đối với một Bồ-đặc-già-la để phát lộ sám hối, phải biết như trước”.

Nếu không có thuận theo Bồ-đặc-già-la để phát lộ sám hối, trừ tội đã phạm thì bấy giờ, Bồ-tát dùng ý ưa thích sâu nặng, khởi tâm tự thệ: “Ta phải quyết định phòng hộ đương lai, sau cùng không phạm lại”.

Như thế, đối với phạm, xuất ly trở lại, thanh tịnh trở lại.

Tự thọ giới pháp Bồ-tát (Du-già quyển 41).

Lại, các Bồ-tát muốn thọ luật nghi tịnh giới của Bồ-tát. Nếu Bồ-đặc-già-la không hội tụ đầy đủ công đức, thì bấy giờ nên đối trước tượng Như Lai, tự thọ luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, nên thọ như vậy: “(Vén y bày vai phải, đầu gối phải chấm sát đất, hoặc quỳ, ngồi sọc đùi) nói như vậy: “kính bạch tất cả Như Lai mười phương đã nhập các chúng Bồ-tát ở đại địa, nay con muốn ở chỗ Phật, Bồ-tát ở các thế giới mười phương, thề thọ tất cả học xứ của Bồ-tát; thề thọ tất cả tịnh giới của Bồ-tát, đó là giới luật nghi; giới nhiếp thiện; giới nhiều ích hữu tình”.

Học xứ như thế, tịnh giới như thế, tất cả Bồ-tát quá khứ đã đủ, tất cả Bồ-tát vị lai sẽ đủ, khắp tất cả Bồ-tát hiện tại mười phương đang đủ. Đối với học xứ này, đối với tịnh giới này, tất cả Bồ-tát quá khứ đã học, tất cả Bồ-tát vị lai sẽ học; tất cả Bồ-tát hiện tại khắp mười phương đang học.

Lần thứ hai, thứ ba, cũng nói như thế. Nói xong, nên đứng dậy. Tất cả pháp thọ giới khác, như trước nên biết, y theo pháp nên thọ.

- Môn tám vượt hơn, năm tưởng:

Đầu tiên nói tưởng của hạnh cao siêu:

- 1- Thú hưởng đạo cao siêu.
- 2- Phát tâm.
- 3- Ruộng phước.

4- Công đức.

5- Ở trong thai.

6- Thần thông.

7- Quả báo vượt hơn.

8- Phát tâm năm quán:

Thứ nhất, quán sát tất cả chúng sinh tưởng cũng như bậc Thánh.

Thứ hai, tưởng cũng như cha mẹ

Thứ ba, tưởng cũng như sư trưởng

Thứ tư, tưởng cũng như Vua chúa

Thứ năm, tưởng cũng như người nhà.

Lại phát bốn nguyện:

Thứ nhất, sở hữu công đức đồng với tất cả chúng sinh mười phương.

Thứ hai, nguyện cho tất cả chúng sinh mười phương vượt qua biển phiền não sinh tử.

Thứ ba, nguyện cho tất cả chúng sinh mười phương chung cho nghĩa văn mười hai bộ kinh rõ ràng.

Thứ tư, nguyện cho tất cả chúng sinh mười phương đều đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Nghi thức nghe pháp (Du-già quyển 44).

Nếu các Bồ-tát khi muốn nghe pháp, có năm tướng, thì nên từ bạn lành lắng nghe chánh pháp:

1- Nghĩ là của báu, vì nghĩa khó được.

2- Tạo ra tướng mắt, hay đều sinh tuệ mầu rộng lớn, vì là nghĩa tánh.

3- Tạo ra tướng sáng, đã đều sinh mắt tuệ rộng lớn. Đối với Nhất thiết chủng, như thật giác biết, vì nghĩa soi rọi bình đẳng.

4- Nghĩ rõ ràng công đức vượt hơn của quả đại, có thể được Niết bàn và dấu ấn mầu nhiệm Vô thượng của Tam-Bồ-đề, vì là nghĩa tánh.

5- Tạo ra tướng vui vẻ vừa ý lớn không có tội, đối với hiện pháp, chưa được Niết bàn và Tam-Bồ-đề. Đối với pháp, phân biệt lựa chọn như thật, chỉ quán không có tội, vui lớn, vì là nghĩa tánh.

Nếu các Bồ-tát khi muốn nghe pháp từ bạn lành, thì đối với thầy nói pháp, do năm chỗ không tạo ra ý khác lạ, vì tâm thanh tịnh thuần túy, thuộc về tai nghe pháp:

1- Đối với giới hư hoại, không tạo ra ý khác, nghĩa là không nghĩ rằng: “Người này phá giới, không trụ luật nghi nay ta không nên nghe

người ấy nói pháp”.

2- Đối với họ hư hoại, không tạo ra ý khác, nghĩa là không nghĩ rằng: “Người này thuộc dòng họ thấp hèn, nay ta không nên nghe người ấy nói pháp”.

3- Đối với sắc hư hoại, không tạo ra ý khác, nghĩa là không nghĩ rằng: “Người này tướng tá xấu xí, nay ta không nên nghe người ấy nói pháp”.

4- Đối với văn hư hoại, không tạo ra ý khác, nghĩa là nghĩ rằng: “Đây là ngôn từ không đẹp, nay ta không nên theo lời lẽ ấy để nghe pháp, chỉ y theo nghĩa, không y theo văn”.

5- Đối với ngữ hư hoại, không tạo ra ý khác, nghĩa là nghĩ rằng: “Lời nói người này thô ác, vì phần nhiều ô m lòng giận dữ, không dùng lời lẽ hay ho để giảng nói các pháp, nay ta không nên nghe người ấy nói pháp”.

Du-già quyển 38 nói: “Thế nào là cầu nghe chánh pháp, nghĩa là các Bồ-tát đối với người khéo nói pháp, phải an trụ mạnh mẽ, nhạy bén, kính mến tôn trọng để cầu nghe chánh pháp”.

Lược nói tướng mạo mạnh mẽ, nhạy bén, kính mến, tôn trọng: nghĩa là các Bồ-tát, vì muốn đến nghe một người khéo nói pháp, giả sử dọc đường, do lửa dữ hừng hực cháy, mặt đất như tấm sắt rất nóng, không có phương tiện nào khác để được nghe người khéo nói pháp, thì liền phát khởi ý mạnh mẽ, nhạy bén, kính mến tôn trọng vui mừng mà đi, hướng chi muốn nghe phần nhiều khéo nói nghĩa. Lại, các Bồ-tát đối với phần thân mình và đối với mọi phẩm vật nuôi thân: Việc uống, ăn, v.v... tất cả sự kính mến, tôn trọng, mới tôn trọng, yêu kính sau, trong trăm phần không bằng một, cho đến phàn Ô-Ba-ni-sát-đàm cũng không bằng một”.

Như thế, Bồ-tát đối với người khéo nói pháp, luôn tỏ lòng kính mến, tôn trọng, thường ưa đến nghe các người khéo nói pháp, không có mệt mỏi, cũng không có nhàm chán đủ; tín tịnh sâu dày, tánh Bồ-tát nhu hòa, vì tâm ngay thẳng, kiến ngay thẳng, vì kính yêu đức, vì kính yêu pháp, nên ở chỗ Pháp sư, không có gạn hỏi, hỏi vặn, mà có tâm kính trọng, không có tâm tự cao, ngạo mạn, chỉ chuyên chú vì cầu việc lành, không phải làm sáng tỏ đức mình, vì muốn an lập gốc lành cao cả của mình, không vì lợi dưỡng, cung kính, Bồ-tát đầy đủ công đức như thế, đi đến chỗ Pháp sư không có tâm tạp nhiễm, không có tâm tán loạn, lắng nghe chánh pháp.

Thế nào là tâm không ô nhiễm? Nghĩa là khi nghe pháp, tâm

người ấy lìa cống cao, tạp nhiễm; lìa khinh mạn tạp nhiễm, lìa sự yếu hèn tạp nhiễm. Vì sáu tướng, nên lìa tự cao tạp nhiễm, nghĩa là khi nghe pháp, thời lượng thích hợp mà nghe; tha thiết quý trọng mà nghe, cung kính mà nghe, không vì tổn hại, không vì thuận theo, không vì tìm lỗi lầm, do bốn tướng của người nghe pháp kia đã lìa tạp nhiễm nhẹ, nên khi nghe pháp, cung kính chánh pháp, cung kính Bồ-đặc-già-la nói pháp, không khinh chánh pháp, không xem thường người nói. Lại, lúc nghe pháp, không tự khinh miệt, do một tướng này mà xa lìa yếu hèn, tạp nhiễm.

Không có tâm tán loạn khi nghe chánh pháp là sao?

Nghĩa là do năm tướng:

- 1- Tâm cầu tỏ ngộ khi lắng nghe chánh pháp
- 2- Tâm chuyên chú một cõi
- 3- Nghe hiểu ý tiếng nói thuộc về tai
- 4- Gọi sạch tâm mình
- 5- Gồm thấu tất cả tâm để lắng nghe chánh pháp.

Vì sao lại cầu pháp?

Nghĩa là khi các Bồ-tát cầu Nội minh, vì chánh tu hành pháp tùy pháp hạnh, vì mở bày rộng khắp, đem lại lợi ích, giác ngộ cho người.

Nếu khi cầu Nhân minh, thì Bồ-tát vì muốn biết rõ như thật về luận Nhân minh mà ngoại đạo đã sáng tạo, là lời nói ác; vì muốn hàng phục các dị luận của người khác; vì muốn đối với kẻ chưa có niềm tin thanh tịnh đối với Thánh giáo chân thật này, sao cho người ấy kính tin thanh tịnh; đối với người đã kính tin thanh tịnh, thì khiến cho thêm rộng gấp bội.

Lúc cầu Thanh minh, Bồ-tát vì muốn cho chúng sinh tin ưa điển ngữ, đối với thân Bồ-tát, sinh tưởng sâu sắc kính tin. Chú giải nghĩa văn, sự khác nhau về câu văn, ngôn âm; thuận theo về âm khác của mỗi thứ phẩm loại ở trong một nghĩa.

Nếu khi cầu Y minh, thì Bồ-tát vì chấm dứt các thứ bệnh tật của chúng sinh, vì muốn đem lại lợi ích cho tất cả đại chúng.

Nếu các Bồ-tát cầu Công xảo minh, thì vì một ít công sức, gom góp nhiều của cải để bố thí, vì muốn lợi ích cho các chúng sinh. Vì phát tướng kỳ lạ, rất ít có cho chúng sinh, vì dùng trí khéo léo, chưa khắp lợi ích bình đẳng, nhiếp thọ Vô lượng chúng sinh, nên cầu năm minh này; vì muốn cho tư lương của Đại trí, Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề mau chóng được tròn đầy.

- Môn nói pháp:

Bồ-tát vì người khác nói pháp có hai:

- 1- Thuận theo nói.
- 2- Thanh tịnh nói.

Thuận theo nói: như trong giới kinh Biệt giải thoát có nói.

Thanh tịnh nói: Đối với mình có oán thù, các loại hữu tình nên trụ tâm từ vì nói chánh pháp. Đối với các hành vi ác, trụ tâm lợi ích, nên nói chánh pháp. Đối với các hữu tình không có ưa có khổ, hữu tình buồn lung thấp kém, cần phải an trụ tâm thương xót, đem lại lợi ích, yên vui, nói cho nghe chánh pháp, vì không do sức tăng thượng của triền ganh tị, nên tự khen chê người khác, vì tâm không ô nhiễm, không hy vọng lợi dưỡng, cung kính, khen ngợi, nói pháp cho người khác nghe.

- Môn phương tiện nhiếp thọ chúng sinh:

Bốn phương tiện đối với các hữu tình, nhiếp hóa khắp, điều phục, thành thực. Bốn phương tiện đó là:

- 1- Phương tiện thuận theo nhiếp hóa.
- 2- Phương tiện năng nhiếp hóa.
- 3- Phương tiện khiến nhập vào.
- 4- Phương tiện tùy chuyển.

Thực hành bố thí này, gọi là phương tiện tùy thuận, nhiếp hóa. Vì sao? Vì trước hết, dùng mọi thứ tài vật để bố thí, lợi ích hữu tình. Vì muốn cho hữu tình đó được nghe, thọ lãnh chánh pháp đã nói, rồi vâng theo giáo pháp mà thực hành.

Nếu các Bồ-tát, tiếp theo thực hành ái ngữ, thì đối với người kia, ở chỗ kia có ngu si, vì muốn dứt trừ sự ngu si mà người kia vốn có, sao cho không còn thừa, nên nhiếp thọ họ; chiêm nghiệm, xem xét chánh lý.

Ái ngữ như thế, gọi là Phương tiện năng nhiếp hóa. Nếu các Bồ-tát biết hữu tình kia nhiếp thọ, chiêm nghiệm xem xét chánh đạo xong, tiếp theo thực hành hạnh lợi tha, cứu vớt hữu tình kia thoát ly chỗ bất thiện, đến chỗ thiện, khuyên bảo, dẫn dắt, điều phục chỗ yên ổn, gọi là Khiến nhập phương tiện.

Nếu các Bồ-tát vận dụng phương tiện như thế, khiến thu nhập xứ thiện rồi, sau cùng đối với sự nghiệp chân chánh của họ, được tu hành chung, sao cho họ chuyển theo. Do nhân duyên này khiến cho kẻ đã được hóa độ, không tạo ra thuyết này: “Ông tự không có niềm tin thanh tịnh, thi-la, tuệ xả, trí tuệ, đâu nhờ ở khéo khuyên bảo, dẫn dắt người khác, can ngăn, răn dạy, quở mắng, xua đuổi, và tạo ra sự nghĩ nhớ. Cho

nên, đồng sự gọi là phương tiện tùy chuyển”.

- Môn Cầu pháp:

Luận Đại thừa Trang Nghiêm Kinh chép: “Cầu pháp có bốn nhân duyên”:

- 1- Sắc.
- 2- Phi sắc.
- 3- Thần thông.
- 4- Chánh pháp.

Sắc: là nhân của tướng tốt, phi sắc: là nhân dứt trừ bệnh phiền não, thần thông: là nhân tự tại, chánh pháp: là nhân vô tận.

Như Kinh Phạm Thiên Vương Vấn chép: “Bồ-tát cầu pháp đầy đủ bốn tướng”:

- 1- Tướng như báu mâu nhiệm: là nghĩa khó được
- 2- Tướng như thuốc hay: là nghĩa trừ bệnh
- 3- Tướng như tài vật: là nghĩa không phân tán
- 4- Tướng như Niết-bàn, là nghĩa khổ diệt.

Vì pháp, là nhân của tướng tốt trang nghiêm, nên tướng như vật báu mâu nhiệm, vì pháp là nhân tố diệt bệnh phiền não nên tướng như thuốc hay.

Vì pháp là thần thông, là nhân tự tại, nên tướng như tài vật. Vì pháp là chánh pháp, là nhân vô tận, nên tướng như Niết-bàn. Cầu pháp có ba thứ đại:

- 1- Phương tiện đại. Do tinh tấn trên hết để cầu thế đế, vì đệ nhất đế thật không điên đảo.
- 2- Lợi tha đại: Do pháp làm chỗ nương tựa, trông cậy của thế gian, vì dùng đệ nhất nghĩa để an trí.
- 3- Tự lợi đại: Do tất cả công đức đầy đủ như biển.

- Môn Nhập pháp:

Phẩm Nhập tự của Thập Trụ Tỳ-Bà-Sa chép: “Nếu Bồ-tát vào chùa, thì nên thực hành các oai nghi cung kính mà lễ bái cúng dường. Nếu các Tỳ-kheo, Bồ-tát tại gia vào chùa Phật, thì khi muốn vào, trước năm thế sát đất ở ngoài cổng chùa, nên nghĩ như vậy: “Đây là trú xứ của người lành; là trú xứ của người tu hạnh; không trú xứ của người tu hạnh vô tướng; trú xứ của người tu hạnh vô nguyện, trú xứ của người thực hành từ, bi, hỷ, xả; trú xứ của người chánh hạnh, chánh niệm”.

Nếu thấy các Tỳ-kheo thuận theo nghiệp đã thấy, thấy rồi tâm

cung kính, lễ bái, gần gũi, hỏi han, thì nên nghĩ rằng: “Nếu trải qua số kiếp như số cát sông Hằng, tôi thường xuyên bố thí lớn trong miếu thờ trời, không thôi, bỏ dở, sẽ không bằng một người xuất gia”. Lại nghĩ: “Người tại gia có nhiều lỗi lầm; còn xuất gia thì không, thuận theo thích ứng, nói rộng, nghĩ rằng: Sự pháp mà người xuất gia đã thực hành, công đức đã được, còn tôi đến lúc nào mới được? nói rộng ra, hành tướng mà Ba thừa đã có, là hành tướng mà Bồ-tát tại gia đã yêu mến; người xuất gia, nếu vào chùa tháp, khi kính lễ Phật nên sinh ba tâm”.

1- Đến khi nào thì tôi sẽ được thọ các cúng dường của tám bộ.

2- Đến lúc nào, tôi sẽ được thân lực, xá-lợi được truyền khắp thế gian, lợi ích cho chúng sinh?

3- Nay, tôi tâm hạnh sâu, đại tinh tấn, được đại Bồ-đề, tôi thành Phật rồi, nhập Niết-bàn Vô dư.

Tiếp theo thuận theo công việc đã làm, đến chỗ các Tỳ-kheo, thỉnh tánh tướng các pháp thì đến chỗ Luận sư; hỏi giới trì phạm đến chỗ Luật sư; ngòi thiền, nhập định đến chỗ Thiền sư, v.v...

- Môn Nên giữ gìn chánh pháp:

Bồ-tát vì năm nhân duyên nên thọ lãnh giữ gìn chánh pháp:

1- Vì biết báo ơn chư Phật

2- Vì khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài

3- Vì cúng dường trên hết, là cúng dường chư Phật

4- Vì đem lại lợi ích cho vô lượng chúng sinh

5- Vì chánh pháp bậc nhất khó được

Du-già quyển 70 chép: “Vì ba lỗi, nên chẳng thể không có đảo ngược khi lắng nghe chánh pháp”.

1- Vì tán loạn.

2- Vì ngu si.

3- Vì không cung kính.

Có năm tướng là đồ đựng của văn, tu:

1- Tâm khiêm tốn thấp mình

2- Tâm vâng làm

3- Tâm nghĩa nhiếp thọ

4- Tâm nghĩa khéo nhiếp thọ

5- Tâm cung kính

Kinh Văn-thù Văn Bát-nhã chép: “Sáu trường hợp không gây tiếng động: Lúc lễ Phật, lúc nghe pháp, lúc hòa hợp chúng; lúc đi khát thực; lúc đang ăn, lúc tiểu đại tiện. Vì sao? Vì những lúc trời như thế

tâm thanh tịnh, để nghe pháp, vì có tiếng kia, thì tâm không được định, vì các vị trời đi, nên quý dữ đến làm những việc không lợi ích”.

- Môn Mười độ sáu thứ phân biệt:

Phẩm Độ Nhiếp thứ bảy trong luận Đại thừa Trang Nghiêm chép: “Sáu Ba-la-mật trong đây có mười nghĩa”:

- 1- Chế số.
- 2- Bày tướng.
- 3- Thứ lớp.
- 4- Giải thích tên gọi.
- 5- Tu tập.
- 6- Khác nhau.
- 7- Nhiếp hạnh.
- 8- Trị chướng.
- 9- Công đức.
- 10- Hiển bày lẫn nhau.

Đầu tiên là số sáu, lại giải thích nghĩa thứ nhất rằng: “Vì gồm sáu ba việc lợi mình, nên chỉ có sáu”:

- 1- Tiến thêm
- 2- Bất nhiễm
- 3- Đầu tiên, không trái ngược
- 4- Như thứ lớp khiến bốn việc tấn:
 1. Giúp sinh thành tựu, do bố thí
 2. Tự thân thành tựu, do giữ giới
 3. Quyến thuộc thành tựu, do nhẫn nhục
 4. Phát khởi thành tựu.

Do tinh tấn, vì tất cả sự nghiệp do tinh tấn này mà thành.

5- Thiền định khiến cho phiền não bất nhiễm, vì chiết phục phiền não, vì năng lực chế phục này.

6- Bất-nhã khiến cho nghiệp không điên đảo, tất cả việc đã làm vì biết như thật.

Lại nữa, thứ hai vì gồm sáu ba việc lợi, sáu sự, nên số chỉ sáu. Đầu tiên vì gồm sáu ba việc lợi tha, nên ba độ ở trước, khiến khởi chánh căn.

- 1- Bố thí cho người kia.
- 2- Không nào hại người kia.
- 3- Nhẫn sự nào hại của người kia.

Sau, vì gồm sáu ba việc lợi mình, nên ở sau có ba:

- 1- Có nguyên do, vì nương tựa tinh tấn.
- 2- Tâm trụ: Vì tâm không nhất định.
- 3- Giải thoát: Do tâm đã định, vì khiến giải thoát.

Lại nữa thứ ba, vì gồm sáu việc lợi tha, nên như thứ lớp đó, đối với sự thọ dụng của người kia, vì không để họ thiếu thốn, vì không nào hại họ, vì cam chịu sự nào hại của người kia, nên giúp đỡ công việc mà họ đã làm, sao cho không lùi lại. Vì dùng năng lực thần thông khiến quy hướng. Vì khéo nói pháp dứt trừ nỗi nghi ngờ của người kia.

Lợi tha như thế tức thành tự lợi.

Lại nữa thứ tư, là gồm sáu Đại thừa, vì bốn thứ nhân nên độ chỉ có sáu:

- 1- Bất nhiễm
- 2- Rất cung kính
- 3- Không lui sụt
- 4- Vô phân biệt

Khi tu hành bố thí, đối với của cải không nhiễm, vì không cố nghĩ đến sự luyến ái, nên khi thọ giới, đối với các học xứ, vì khởi tâm rất cung kính, nên khi thực hành nhẫn, tấn, cả hai không lui sụt, cho đến đối với chúng sinh, chẳng phải nỗi khổ mà chúng sinh đã gây ra, vì được không lui sụt, nên khi tiến đến thực hành việc lành, vì được không lui sụt, nên thực hành thiền định, Bát-nhã. Bảy giờ, hai thứ vô phân biệt này là thuộc về chỉ quán bình đẳng.

Lại nữa thứ năm, vì gồm sáu Đại thừa.

Đạo là nghĩa gì?

Đáp: “Có phương tiện, nghĩa là Đạo; vì bố thí cho nên đối với tiền của, tài sản, không chấp mắc là đạo. Vì giới, nên đối với cảnh không rối loạn là Đạo. Vì nhẫn nên đối với chúng sinh không bỏ là Đạo. Vì định, nên làm cho phiền não thanh tịnh là Đạo. Vì Bát-nhã nên đối với chướng trí thanh tịnh là Đạo”.

Lại nữa thứ sáu, gồm sáu Học đồng với Duy thức, v.v... giải thích.

Thứ hai là làm sáng tỏ tướng, đều có bốn tướng:

- 1- Trị chướng
- 2- Hợp trí
- 3- Mãn nguyện
- 4- Thành sinh.

Trị chướng: Đản v.v... như thứ lớp, trị sáu keo kiệt v.v...

Hợp trí: Thực hành chung với trí Vô phân biệt, do thông đạt pháp

vô ngã.

Mãn nguyện: Bồ thí cho người cầu tài của, tùy ý muốn của họ mà cấp cho. Giới là đối với người cầu giới, dùng thân, miệng, ý giữ gìn mà truyền dạy cho họ.

Nhẫn, hoan hỷ đối với người biết ăn năn lỗi lầm.

Tấn: Đối với tạo nghiệp, tùy ý muốn, giúp đỡ cho họ.

Định: Đối với định học, tùy ý muốn trao cho pháp. Trí đối với người có hòai nghi, tùy ý muốn quyết đoán.

Thành sinh: Trước là dùng sự thí cho, để nhiếp hóa. Về sau, dùng pháp Ba thừa, thuận theo đối tượng thích ứng mà thành thực cho họ. Trước là an lập họ vào tịnh giới, sau dùng giáo pháp ba thừa để thành thực cho họ cũng vậy.

Thứ lớp thứ ba, có ba nhân duyên:

- 1- Trước, sau.
- 2- Dưới, trên
- 3- Tho, tế

Dùng bố thí làm đầu, vì dẫn giới, v.v... ở sau. Dùng bố thí là dưới, vì giới, v.v... là trên. Dùng bố thí là thô, vì giới v.v... là tế, đều dùng thứ lớp để biết.

Thứ tư, là giải thích tên gọi: Vì có thể dứt trừ nghèo cùng, nên gọi là bố thí. Vì khiến cho trong mát, nên gọi là giới; vì có công năng phá tan sự giận dữ, nên gọi là nhẫn. Vì có khả năng kiến lập điều lành, nên gọi là Tấn; vì có công năng gìn giữ tâm, nên gọi là định; vì giải thích pháp chân, nên gọi là Tuệ.

Thứ năm, là tu tập: Đồng với Tạp tập, luận Duy thức, v.v...

Thứ sáu, là sự khác nhau: Đều có sáu nghĩa:

- 1- Tự tánh
- 2- Nhân
- 3- Quả
- 4- Nghiệp
- 5- Tương ứng
- 6- Phẩm loại.

Tự tánh: Vì dùng vật của mình để bố thí cho những người nhận lãnh.

Nhân thí: Vì tài vật lành vô tham với tư duy đều sinh.

Quả thí: Vì tài vật và thân thành tựu.

Vì thân thành tựu: Tức gồm sáu năm mạng, v.v... nghĩa là được mạng, được sắc, được lực, được ưa thích, được biện tài.

Nghiệp bố thí: Hai gồm thân: Mình người đầy đủ và Đại Bồ-tát.
Tương ứng với bố thí đầy đủ: Do trụ đầy đủ, vì không keo kiệt trong tâm người.

Phẩm loại: Pháp, tài vật, vô úy.

Tự tánh: Do trụ Cụ giới, cho đến vì thọ học các Học xứ.

Nhân: Diệt là Niết-bàn, vì cầu Niết-bàn; độ các hữu biên, vì thọ giới hạnh.

Quả: Đạo thiện và không ăn năn, v.v... thứ lớp tâm trụ, vì nhờ giới mà được.

Nghiệp có ba:

1- Công năng trì: Gánh vác, gìn giữ tất cả công đức, như mặt đất.

2- Công năng tĩnh: vì dứt tất cả phiền não.

3- Vô úy: Do không thể khởi tất cả duyên khởi.

Các tội: Khủng bố, ghét, v.v...

Tương ứng: Do tất cả thời gian, nghiệp thân, miệng, ý đều thực hành hạnh lành.

Phẩm loại: Nghĩa là hai đặc, một thọ; đặc tức hai pháp Ba-la-đề-mộc-xoa, đặc tức là định, đạo, giới (những thứ khác rườm rà nên không thuật, xin xem lại văn).

Tám đối trị: Vì đàn lìa bảy chấp mắc:

1- Chấp mắc tiền của, tài sản.

2- Chấp mắc trẻ nãi, chập chạp.

3- Chấp mắc nghiêng lệch.

4- Chấp mắc báo ơn.

5- Chấp mắc quả báo.

6- Chấp mắc chướng ngại.

7- Chấp mắc tán loạn.

Chấp mắc chướng ngại ở đây: Nghĩa là vì không dứt phiền não tham, đối tượng trị của đàn.

Chấp mắc tán loạn: Có hai:

1- Ý phẩm hạ tán loạn, vì cầu Tiểu thừa

2- Phân biệt tán loạn, vì phân biệt ba luân

Trị sáu chướng khác, năm chướng đầu trái với trước, nghĩa là chấp mắc v.v... giới, lìa phá giới.

Giới v.v... lìa chấp mắc chướng ngại: Vì phiền não chướng ngại kia đều dứt.

Giới v.v... lìa chấp mắc phân biệt: thuận theo ba luân kia, vì không phân biệt.

Chín công đức là:

1- Lúc nào cũng xả: Nghĩa là các Bồ-tát, trong tất cả thời gian, thí xả thân mạng mình cho tất cả người cầu xin.

2- Lìa cầu, không cầu trả ơn, kể cả quả ái, vì dùng đại bi làm nhân.

3- Kiến lập Bồ-đề, do sự bố thí, kiến lập Bồ-đề ba thừa cho tất cả chúng sinh.

4- Vô tận: Vì thuộc về trí vô phân biệt, cho đến Niết-bàn, phước của trí đó vô tận, vô cùng lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Lại nữa, sáu độ có công đức thanh tịnh. Vả lại, thí cho người cầu xin, đối với Bồ-tát đã sinh ba thứ vui mừng:

1- Vui mừng khi được thấy

2- Vui mừng lúc được toại nguyện

3- Vui mừng khi cầu được thấy, được mãn nguyện, vì khi không thấy, không toại nguyện, thì không sinh nổi vui mừng.

Bồ-tát, tất cả đối với người cầu xin trái với ba nỗi vui mừng của người kia, cũng sinh ba nỗi mừng:

1- Khi được thấy sinh vui mừng

2- Khi nguyện của người kai được thỏa mãn thì sinh vui mừng

3- Lúc cầu thấy, cầu toại nguyện của người kia, cảm thấy vui mừng.

Trong đây, nên biết rằng, người cầu xin kia có ba nỗi vui mừng không giống như Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát thường đầy đủ đại bi. Sáu độ có tám Vô thượng:

1- Y đàn.

2- Loại.

3- Duyên.

4- Hồ hương.

5- Nhân.

6- Trí.

7- Ruộng.

8- Y chỉ.

Y đàn: Vì nương tựa Bồ-tát. Có ba loại:

1- Thí vật: để xả thân mạng mình

2- Thí vô úy: Vì để cứu giúp chúng sinh ác.

3- Thí pháp: Vì để nói pháp Đại thừa.

Duyên: Vì dùng đại bi làm duyên khởi. Hồ hương: Vì cầu đại Bồ-đề.

Nhân: Do nghiệp thí cho ở đời trước huân tập hạt giống làm nhân.

Trí: Dùng trí Vô phân biệt để quán sát ba luân.

Ruộng: Có năm người:

- 1- Người cầu xin
- 2- Người khổ
- 3- Người không nơi nương tựa
- 4- Người có hành vi ác
- 5- Người có đức.

Y chỉ: Do ba thứ y chỉ:

- 1- Y chỉ tín hướng
- 2- Y chỉ suy nghĩ.
- 3- Y chỉ tam-muội.

- Môn Dường như có lợi ích:

Luận Trang Nghiêm quyển 12 chép: “Bồ-tát có bảy thứ dường như lợi ích”:

- 1- Dường như mẹ
- 2- Dường như cha
- 3- Dường như bạn lành
- 4- Dường như bạn đồng hành
- 5- Dường như tôi tớ mạnh khỏe
- 6- Dường như Xà-lê
- 7- Dường như Hòa thượng

Dường như mẹ: Ví như mẹ hiền tạo ra nghiệp lợi ích đối với con:

- 1- Mang thai
- 2- Sinh ra con
- 3- Nuôi lớn
- 4- Đề phòng con bị hại
- 5- Dùng lời răn dạy con

Năm nghiệp lợi ích chúng sinh của Bồ-tát cũng giống như vậy:

- 1- Tâm bình đẳng nhắm vào chúng sinh
- 2- Sinh ra địa vị Thánh
- 3- Nuôi lớn các gốc lành
- 4- Phòng hộ các gây tạo ác
- 5- Dạy tu tập để học rộng

Ví như cha lành đối với con, tạo ra năm thứ nghiệp lợi ích:

- 1- Gieo hạt giống

- 2- Dạy cho nghề nghiệp khéo léo
- 3- Vì cưới gả cho con
- 4- Giao phó con cho bạn lành
- 5- Vì dứt nợ, nếu không sẽ bồi thường về sau.

Năm nghiệp của Bồ-tát cũng như vậy:

- 1- Bảo cho khởi lòng tin để làm hạt giống của thể Thánh.
- 2- Bảo phải học giới, định tăng thượng, để làm nghề khéo léo.
- 3- Khiến cho được thú vui mừng giải thoát dùng làm sinh lễ cưới

gả

- 4- Dạy khuyến thỉnh chư Phật để làm bạn lành.
- 5- Vì ngăn chặn việc làm ác cho mình

Việc ác có bốn thứ:

- 1- Săn bắn
- 2- Ưu sai quấy
- 3- Ham thích rượu
- 4- Đánh bạc

Năm nghiệp của Bồ-tát cũng giống như vậy:

- 1- Người không phải đồ đựng, kín đáo nói sâu sắc cho chúng sinh

biết.

- 2- Người phạm giới, đúng như pháp quả trách.
- 3- Người giữ cụ giới, dùng việc lành để khen ngợi.
- 4- Kể tu hành, bảo cho cách chứng mau chóng.
- 5- Về việc ma liền bảo cho biết.

Ví như người có trí, bạn đồng hành đối với mình làm được năm việc lợi ích:

- 1- Cho niềm vui
- 2- Cho lợi ích
- 3- Thường cho vui
- 4- Thường cho lợi
- 5- Không trái lìa

Năm nghiệp của Bồ-tát cũng giống như vậy:

1- Cho niềm vui không điên đảo, điều mà thế gian thành tựu gọi là vui, do đó được thọ vui.

2- Cho lợi không điên đảo, sự thành tựu của xuất thế gọi là lợi, vì lợi này đối trị bệnh phiền não; ba lợi còn lại rất dễ hiểu. Ví như kẻ tôi tớ mạnh khỏe làm chủ, làm được năm việc lợi ích:

- 1- Cùng cực các đối tượng tạo tác.
- 2- Được không lừa dối.

- 3- Chịu đựng các việc đánh, mắng.
- 4- Làm công việc tinh tấn, tốt đẹp.
- 5- Khéo hiểu léo về phương tiện, Bồ-tát cũng giống như vậy.

- 1- Thành thực chúng sinh
- 2- Mở bày chỉ yếu xuất ly
- 3- Nhẫn nhịn các việc ác
- 4- Cho thế gian niềm vui
- 5- Cho thế gian lợi ích.

Ví như A-xà-lê làm năm việc có lợi ích cho đệ tử:

- 1- Dạy bảo các pháp cho đệ tử
- 2- Bảo cho đệ tử biết bí quyết nhanh chóng
- 3- Thân biết thanh thản thư thái
- 4- Miệng biết nói lời đáng yêu
- 5- Tâm không có hy vọng

Ví như Hòa-thượng đã làm năm việc lợi ích cho đệ tử:

- 1- Hóa độ cho xuất gia
- 2- Cho đệ tử thọ giới
- 3- Cấm đoán các lỗi lầm
- 4- Giữ gìn tài vật
- 5- Dạy trao chánh pháp

Bồ-tát cũng giống như vậy:

- 1- Khiến đầy đủ hai nhóm
- 2- Khiến được giải thoát
- 3- Khiến dứt các chướng
- 4- Cho thế gian niềm vui
- 5- Cho thế gian lợi ích

- Môn năm thứ hy vọng của Bồ-tát:

- 1- Hy vọng sáu độ thêm lớn
- 2- Tổn bớt sáu tệ
- 3- Thành tựu chúng sinh
- 4- Thắng tấn các địa
- 5- Hy vọng Vô thượng Bồ-đề

- Môn sáu quyết định nên làm:

Bồ-tát do làm sáu độ thêm lớn được sáu thứ quyết định:

- 1- Tài vật thành quyết định, vì thế thường được của thành tựu.
- 2- Sinh quyết định vượt hơn, vì giới thường được tùy ý thọ sinh.
- 3- Không lùi quyết định, do nhẫn chịu các khổ, vì thường không

lui sụt.

4- Tu tập quyết định. Vì tiến hăng giờ tu tập điều lành không có bỏ dỡ, thôi dứt.

5- Định nghiệp quyết định, do thiên thành tựu nghiệp chúng sinh, vì không bao giờ lui sụt.

6- Không có công dụng quyết định, do trí được Vô sinh nhẫn, vì trí vô phân biệt tự nhiên trụ; Bồ-tát vì thành tựu sáu độ, nên ở trong các địa, quyết định nên tạo ra sáu việc:

- 1- Phải nên cúng dường.
- 2- Phải nên học giới.
- 3- Phải nên tu bi.
- 4- Phải nên siêng làm việc lành
- 5- Phải nên liả chỗ rằm rĩ, ồn ào.
- 6- Phải nên ưa pháp.

Như thứ lớp viên mãn sáu Ba-la-mật, tất nhiên, Bồ-tát thường nên làm sáu việc:

- 1- Nhàm chán năm dục, vì không chấp mắc quả báo bố thí.
 - 2- Tự xét lỗi mình. Nghĩa là sáu thời trong một ngày đêm thường tự tỉnh lại mình, xét nét đối tượng tạo tác của ba nghiệp, hễ biết lỗi thì sửa đổi.
 - 3- Nhẫn chịu gian khổ
 - 4- Tu điều lành
 - 5- Không đấm vị, nghĩa là không đấm vị thiên, vì thường thọ sinh ở cõi Dục
 - 6- Không phân biệt.
- Như thứ lớp khiến cho sáu độ viên mãn.

- Môn sáu độ chín thứ phân biệt:

Du-già quyển 39 chép: “Chín môn Thí Ba-la-mật, cho đến Trí Ba-la-mật cũng giống như vậy. Tụng rằng:

*Tất cả nạn của tự tánh
Thiện sĩ của tất cả môn
Cầu toại nguyện tất cả thứ
Hai đời ưa thanh tịnh
Chín thứ tướng như thế
Đó gọi lược nói thí.*

1- Tự tánh: Chủ thể thí cho tất cả vật đáng nên thí; tư duy câu sinh vô tham và nhân đối tượng phát, hay thí cho tất cả vật thí không có tội.

Hai nghiệp thân ngữ nhất định có quả, thấy thuận theo đối tượng mong cầu, tức dùng vật này mà thực hành tuệ thí gọi là tự tánh thí.

2- Tất cả thí: Lược có hai thứ:

- a- Vật, đối tượng thí bên trong
- b- Vật đối tượng thí bên ngoài.

Chỉ thí cho thân mình gọi là đối tượng thí trong. Nếu ăn mau mắn, mưa ra, mạng sống còn, chúng sinh thường ăn rồi mưa ra, cơm đã ăn đem thí cho gọi là thí tạp nhập trong, ngoài.

Trừ cách thí đã nói trên, tất cả vật, đối tượng nên thí cho khác, gọi là chỉ thí ngoài. Biết thí cho trong, ngoài, đối với chúng sinh kia, chỉ sao cho yên vui, không tạo ra lợi ích. Hoặc không lợi ích, cũng không yên vui, tức không thí cho, trái lại tức là thí; rộng có vô lượng, nên bố thí, không bố thí, tư duy y theo đó có thể biết.

3- Khó thực hành thí: Của vật quá ít, tự cam chịu nghèo khổ, tuệ thí cho người khác là khó thực hành bậc nhất; vật đối tượng đáng yêu, rất sinh ham ưa chấp mắc, hay tự mở mang ý, tuệ thí cho người khác, là việc khó làm thứ hai, tài vật cực kỳ gian nan, cay đắng mới có được, đem tuệ thí cho người là việc khó làm thứ ba.

4- Môn tất cả:

- a- Tài vật của mình
- b- Vật người khác đã được
- c- Thí cho người thân, nuôi nấng, yêu thương tôi tớ
- d- Bố thí cho người đến cầu xin

5- Bố thí cho thiện sĩ: Lược có năm tướng: Tín tịnh mà thí; cung kính mà thí; tự thân mà thí; hợp thời mà thí; không tổn não người khác mà thực hành tuệ thí.

6- Trí Nhất thiết chủng: Có mười ba tướng:

- 1- Không có chỗ nương tựa
- 2- Rộng lớn
- 3- Vui mừng
- 4- Thường thường
- 5- Ruộng phước
- 6- Không phải ruộng phước
- 7- Tất cả vật
- 8- Tất cả nơi chốn
- 9- Tất cả thời gian
- 10- Vô tội
- 11- Hữu tình

12- Vật phương côi.

13- Vật thí: tài sản, lúa thóc.

7- Cầu toại nguyện thí cho, có tám tướng:

1- Uống ăn thiếu thốn

2- Xe cộ thiếu thốn

3- Y phục thiếu thốn

4- Dụng cụ trang nghiêm thiếu thốn

5- Tư lương lật vật thiếu thốn

6- Hương, hoa, trang sức, tràng hoa thiếu thốn

7- Nhà cửa thiếu thốn

8- Ánh sáng thiếu thốn, người cầu xin thì thí chó ánh sáng, bảy tướng trên y theo tám tướng này.

8- Người ưa bố thí đời này, đời khác. Lược có chín tướng, của có ba:

1- Vật diêu tịnh đúng như pháp mà thực hành tuệ thí.

2- Điều phục vết nhơ keo kiệt mà thực hành tuệ thí.

3- Điều phục tạng chứa nhơ mà thực hành tuệ thí.

Vô úy có ba:

1- Cứu vớt nỗi sợ hãi về sợ sư tử, cọp, sói, v.v...

2- Cứu giúp nỗi sợ hãi về vua, giặc v.v...

3- Cứu vớt nỗi sợ hãi về nước, lửa, v.v...

Pháp thí có ba:

1- Nói pháp không có điên đảo

2- Nói pháp xứng lý

3- Khuyên tu học xứ.

Chín tướng như thế, có thể khiến chó niềm vui của đời này, đời khác, tài, vô úy đời này, pháp thí đời khác.

Chín thanh tịnh thí, có mười tướng:

1- Bố thí không ngưng trệ

2- Bố thí không chấp trước

3- Không chứa nhóm

4- Không đề cao

5- Không có đối tượng nương tựa

6- Không lui sụt

7- Không thấp kém

8- Không hướng về, không xoay lưng

9- Không hy vọng trả ơn

10- Không hy vọng dị thực.

Vì thí nhanh chóng không để lại, vì không vọng chấp trước, vì không chứa nhóm đốn thí, vì khiêm nhượng, không tranh hơn, vì không dựa vào danh dự, không ăn năn rộng lớn, vì không tự khinh; vì vật bố thí thối điếu, vì tâm bố thí bình đẳng; vì thương xót bố thí, không mong trả ơn, vì không hy vọng quả đương lai.

Chín môn giới:

1- Môn tự tánh có bốn thứ:

- 1- Chánh thọ từ người khác
- 2- Ý thích thiện tịnh
- 3- Phạm rồi lại được thanh tịnh
- 4- Kính sâu chuyên niệm, không có trái phạm.

Do từ người khác thọ, vì thẹn quán bên ngoài, nên ý ưa thích thiện tịnh, vì trái phạm hổ bên trong, nên chuyên niệm thanh tịnh trở lại. Đầu tiên, không có trái phạm, vì hai nhân duyên nên lìa bỏ các ố tác. Thứ nhất, hai là y chỉ, vì sinh hổ thẹn. Vì hổ thẹn nên có thể hộ thi-la. Vì công năng hộ, nên lìa các ố tác. Lại, thứ một, hai là pháp; hai thứ sau được dẫn phát bởi hai thứ trước. Lại thứ một, hai, tư có thể khiến cho không hủy phạm, đã thanh tịnh trở lại, khiến cho phạm phát ra trở lại, đủ bốn công đức, làm lợi cho mình, cho người; lợi ích yên vui vô lượng chúng sinh, vì thương xót các người, trời, v.v... ở thế gian.

2- Tất cả thế giới có hai thứ: đó là giới phần tại gia; và giới phần xuất gia. Hai thứ này lược nói ba tức ba nhóm giới.

3- Giới khó thực hành: Lược có ba thứ:

1- Nghĩa là các Bồ-tát hiện đủ tài vật lớn, tặng thưởng dòng họ có thể bỏ; thọ trì giới Bồ-tát, gọi là nạn thứ nhất. Nếu phải gặp nạn ép ngặt, cho đến mất mạng đối với giới đã thọ, còn không có thiếu kém, huống chi là phạm hoàn toàn, gọi là nạn thứ hai, khắp tất cả tác ý đi, đứng, luôn trụ chánh niệm, thường không có buông lung, cho đến qua đời, không có phạm lầm tội khinh, huống chi phạm trọng, gọi là nạn thứ ba.

4- Tất cả giới môn lược có bốn thứ:

- 1- Giới chánh thọ
- 2- Giới bốn tánh
- 3- Giới tập quán
- 4- Giới tương ứng phương tiện.

Chung thọ: Thọ tịnh giới của ba nhóm đã thọ trước kia. Bốn tánh nghĩa là trụ vị chủng tánh. Hiền nhân của bốn tánh, hai nghiệp thân, ngữ luôn chuyển vận thanh tịnh. Tập quán: Nghĩa là nhiều đời tu tập ba

thứ tịnh giới, tất cả pháp ác không ưa hiện hành, rất nhàm chán pháp ác, ưa tu pháp lành, sinh rất hâm mộ. Giới tương ứng: Nướng tựa bốn sự nhiếp, vì đối với nghiệp lành của các hữu tình luôn chuyển.

5- Giới thiện sĩ: Lược có năm thứ, nghĩa là các Bồ-tát tự có thi-la, khuyên người khác thọ giới, khen ngợi công đức của giới, người thấy pháp đồng, rất sinh vui mừng, nếu có hủy phạm, đúng như pháp ăn năn trừ bỏ.

6- Giới Nhất thiết chủng: Tóm lại, sáu thứ, bảy thứ. Nói sáu thứ:

1- Giới hồi hướng, vì hồi hướng Đại Bồ-đề

2- Giới rộng rãi, gồm thâm rộng tất cả học Xứ đã học.

3- Giới của xứ hoan hỷ vô tội, xa lìa ham vui chấp mắc dục lạc, vì tự khổ hạnh hai bên.

4- Giới thường hằng. Dù hết mạng sống lâu, là không xả bỏ.

5- Giới vững chắc: Lợi dưỡng, cung kính vốn tùy phiền não, vì không chế phục, không đoạt.

6- Thi-la trang nghiêm đủ giới tương ứng, vì trang nghiêm đầy đủ tất cả giới, như Thanh văn địa có nói.

Nói bảy thứ:

1- Giới thôi dứt, vì lìa tất cả sát sinh, v.v...

2- Giới chuyển tác: Vì gồm thâm tất cả việc lành, vì lợi ích hữu tình.

3- Giới phòng hộ: Vì thuận theo hộ giới chuyển tác thôi dứt

4- Giới dị thực của tướng Đại sĩ

5- Giới dị thực của tâm tăng thượng

6- Giới dị thực của đường đáng yêu

7- Giới dị thực, lợi ích hữu tình.

7- Người cầu giới toại nguyện, lược có tám hạng: Nghĩa là các Bồ-tát tự suy nghĩ đế, như ta đã mong cầu, chớ cho rằng, người kia đối với hiện hành của ta, cắt đứt mạng sống, không cho mà lấy, tà như nhớp, luống dối, chia rẽ, thô ác, nói lời thù dật, các xúc chạm phi ái: tay, khối đất, gậy gộc, v.v... làm hại ta; đối với người khác cũng như vậy, vì sự mong cầu không vừa ý, nên đều không hài lòng.

Như thế, xem xét suy nghĩ nhân duyên tai nạn của mạng mình, cũng không đối với tám thứ hiện hành của người khác đã mong cầu việc không toại nguyện, không hài lòng.

Tám thứ giới ưa thích của đời này, đời khác, lược có chín thứ, nghĩa là các Bồ-tát vì các hữu tình, lẽ ra phải ngăn chặn thì ngăn chặn, nên triển khai thì triển khai, nên nhiếp thọ, thì chánh nhiếp thọ; nên

điều phục, thì chánh điều phục. Hai nghiệp thân, ngữ ở giữa của Bồ-tát thường chuyển biến thành tịnh gọi là bốn thứ. Lại nữa, năm độ còn lại đều vận hành, tịnh giới tức là thứ năm, nói gọi là chín, có thể khiến cho mình, người được yên vui trong hiện tại, mai sau, gọi là giới vui của hai đời.

Chín giới thanh tịnh, lược có mười thứ:

1- Đầu tiên, khéo thọ giới là vì Tam Bồ-đề, không vì mạng sống.

2- Giới không quá trâm, lúc trái phạm, vì sinh ăn năn, hổ thẹn và không đề cao giới quá, vì thông suốt là phi xứ, sinh ăn năn, hổ thẹn.

3- Giới là lưỡi biếng: Vì không ham vui, vướng mắc đối với thú vui nằm ngủ, v.v...

4- Thọ giới thuộc về lìa các buông lung, tu tập năm chi như trước, vì không buông thả.

5- Giới chánh nguyện, xa lìa lợi dưỡng, không nguyện sinh lên cõi trời, vì quan trọng là tự tu hành.

6- Thọ giới thuộc về đầy đủ phép tắc, đối với các oai nghi, đúng như pháp thân, ngữ, chánh hiện hành.

7- Giới cụ túc thuộc về mạng tịnh, vì lìa tất cả lỗi tà mạng: như đối trá, v.v...

8- Giới lìa hai bên, vì xa lìa thọ dụng hai bên khổ.

9- Giới xuất ly hẳn, vì xa lìa tất cả kiến chấp ngoại đạo.

10- Giới đã thọ trước kia không hao hụt mất mát vì không có thiếu đối với thọ, nên tu tập như thế thì được năm lợi ích cao quý:

1- Chư Phật mười phương hộ niệm

2- Sắp qua đời, sinh vui mừng

3- Giữ giới là bạn lành

4- Tạng công đức lớn tròn đầy

5- Giới hiện tại, mai sau đều thành tánh

Chín môn nhẫn:

1- Tự tánh: Hoặc năng lực tư duy, lựa chọn; hoặc do tự tánh, chịu đựng kẻ thù hãm hại. Do tâm không ô nhiễm, vì thuần túy xót thương, nên có thể có sức nhẫn nhục, chịu đựng, đó gọi là Tự tánh.

2- Tất cả nhẫn: Tại gia, xuất gia đều có đủ ba nhẫn, lược như Năng đoạn số. Sao gọi là Nhẫn? Tự mình không có giận dữ, không trả oán thù khác, cũng không phiền não, vì chảy rớt thường nối tiếp, nên gọi là Nhẫn.

An thọ khổ nhẫn. Về sự có tám:

- 1- Khổ của xứ y chỉ
- 2- Khổ của xứ pháp thế gian
- 3- Khổ của xứ oai nghi
- 4- Khổ của xứ pháp nhiếp
- 5- Khổ của xứ đi khát thực
- 6- Khổ của xứ siêng năng khó nhọc
- 7- Khổ của xứ lợi tha.
- 8- Khổ của xứ đối tượng tạo tác.

- *Nỗi khổ của xứ y chỉ* có bốn, tức bốn việc uống, ăn, v.v... Nỗi khổ của thế pháp thế gian có chín thứ là: Sự suy yếu, chê bai, khổ, hư hoại, tận, già, bệnh, chết.

- *Nỗi khổ của xứ oai nghi* có bốn, tức bốn oai nghi.

- *Nỗi khổ của pháp nhiếp* có bảy:

- 1- Cúng dường Tam bảo
- 2- Cúng dường, phụng thờ Tôn trưởng
- 3- Hỏi han thọ chánh pháp
- 4- Hỏi han thọ rồi, nói rộng cho người nghe.
- 5- Dùng âm thanh lớn, ngâm vịnh, ca tụng
- 6- Xứ riêng suy nghĩ, quán sát
- 7- Tu chỉ quán thuộc về Du-già.

- *Nỗi khổ của xứ đi khát thực*, có bảy:

- 1- Hủy hình, xả tục.
- 2- Y phục hoại sắc.
- 3- Tiến tới, dừng lại, không buông lung, thuộc về trụ xứ tự cạnh tranh.
- 4- Dựa vào sự sống còn của người.
- 5- Suốt đời cầu xin, không cần chứa đựng lâu.
- 6- Suốt đời lìa dâm.
- 7- Suốt đời lìa xem ca múa, xướng hát, v.v...

- *Tư thắng giải nhãn*, vì có thể đối với tám thứ sinh thắng giải:

- 1- Xứ công đức của Tam bảo
- 2- Xứ nghĩa chân thật
- 3- Xứ đại thần lực của Bồ-tát
- 4- Xứ nhân
- 5- Xứ quả
- 6- Xứ nghĩa nên được
- 7- Tự mình đối với nghĩa kia, được xứ phương tiện
- 8- Tất cả chỗ nên biết nên làm, do hai nhân duyên đối với các xứ

kia, khéo có thể an lập.

a- Vì tập quán trong thời gian dài.

b- Vì trí chứng thiện, tịnh.

3- Nhẫn khó làm, có ba: Đối với đối tượng nhẫn của hữu tình thấp kém, người kia đã làm những việc không lợi ích, gọi là điều khó thứ nhất.

Ở địa vị tôn quý, đối với sự không lợi ích của quan lính, của mình, có khả năng chịu đựng, gọi là điều khó thứ hai.

Đối với việc làm của hữu tình thuộc dòng họ thấp hèn kia, tăng thượng việc không lợi ích, có khả năng chịu đựng được, gọi điều khó khăn thứ ba.

4- Tất cả môn: Lược có bốn thứ:

1- Đối với việc không lợi ích do người thân làm.

2- Đối với việc do kẻ thù gây ra.

3- Đối với việc do người không thân, không thù gây ra.

4- Và đối với phẩm vượt hơn của ba hạng thấp kém kia, với việc không lợi ích, đều có thể chịu đựng.

5- Nhẫn của thiện sĩ, lược có năm hạng, nghĩa là các Bồ-tát trước đối với nhẫn kia thấy các thắng lợi, nghĩa là khả năng nhẫn Bồ-đặc-già-la, ở đời đương lai không có nhiều kẻ thù, không có nhiều chuyện trái lìa, có nhiều nỗi vui mừng, khi qua đời không có ăn năn. Đối với thân sau khi hư hoại sẽ sinh về cõi lành trong thế giới trời. Thấy lợi ích cao quý rồi, tự có thể nhẫn chịu được, khuyên người khác thực hành nhẫn, khen công đức nhẫn, thấy nhẫn có thể thực hành, an ủi chúc mừng.

6- Tất cả thứ nhẫn có sáu, bảy thứ, sáu thứ nghĩa là biết rõ không chịu nhẫn dị thực phi ái, vì sợ nên nhẫn. Đối với tâm sinh thương xót, tâm xót thương thân ái, vì thân lành nên nhẫn. Vô thượng Bồ-đề, vì nhẫn viên mãn, nên tu hành nhẫn. Nói về người xuất gia đủ sức nhẫn nhục, chẳng phải không thực hành Nhẫn, vì thọ pháp, nên tu hành ở tập quán của chủng tánh nhẫn, vì ở tự tánh, nên tu hạnh nhẫn. Tất cả hữu tình vì chỉ thấy các pháp nên tu hạnh nhẫn.

Bảy thứ, nghĩa là đối với tất cả nhẫn không lợi ích, từ tất cả đối tượng nhẫn, tất cả xứ, tất cả thời nhẫn, tất cả thân nhẫn, vì không đánh đập, vì nhẫn ngữ không ngoài phi ái, nên ý nhẫn không nổi cơn phẫn nộ.

7- Người cầu nhẫn toại ý, lược có tám thứ:

Đối với người có khổ đến cầu xin, chủ yếu ép ngặt có thể nhẫn.

Đối với các loài hữu tình của nghiệp ác phẩm thượng cực kỳ hung bạo,

vì bị nên nhẫn không xúc não; đối với những người phạm giới, vì tình thương nên nhẫn không xúc não.

Lại, có năm thứ chịu được siêng năng khổ nhọc, có thể chịu đựng được nỗi khổ của hữu tình, khổ siêng năng; chịu đựng được nỗi khổ siêng năng cầu pháp; chịu đựng được sự siêng năng khổ nhọc của pháp tùy pháp hạnh; chịu đựng được sự siêng năng, khổ nhọc nói pháp cho người nghe; chịu đựng được vì đối tượng tạo tác của hữu tình, chính việc siêng năng khổ nhọc đã có.

8- Ưu nhẫn đời này đời khác. Lược có chín thứ: Nghĩa là các Bồ-tát trụ không buông lung, đối với các pháp lành đều có thể chịu đựng, có thể chịu đựng đối với lạnh, nóng; đối với đói khát, đối với muỗi mòng; đối với nắng, gió, đối với rắn rít, đối với siêng năng khổ nhọc, lo buồn, đối với hữu tình, đọa vào nỗi khổ sinh, già, bệnh, chết, thương xót mà thực hành công phu nhẫn. Như thế, có thể khiến cho tự thân được trụ yên vui trong hiện pháp, không bị tất cả pháp bất thiện ác xen lẫn, có thể dẫn nhân duyên yên vui của đời sau, cũng có thể khiến người khác tu hành hạnh yên vui của hai đời gọi là thú vui của hai đời.

Nhẫn thanh tịnh. Lược có mười thứ: Nghĩa là các Bồ-tát gặp việc không lợi ích mà người khác đã gây ra, tổn não, trái, vượt, sau cùng không trả lại báo, cũng không là ý phẫn nộ, cũng không có oán thù, ngờ vực, ý ưa thích nối nhau, luôn thường hiện tiền. Muốn tạo ra sự lợi ích, trước sau chẳng phải khác, chẳng phải một lợi ích đã bỏ mà không là lợi ích. Đối với người có oán, tự ăn năn tạ tội dĩ vãng, sau cùng không làm cho người khác sinh nhàm chán, sau đó, tiếp nhận tạ tội, e người kia nhàm chán mau chóng, vừa tạ tội liền thọ, v.v...

Chín môn tinh tấn:

1- Tự tánh. Nghĩa là các Bồ-tát với tâm dũng cảm mạnh mẽ, có khả năng nhiếp thọ vô lượng pháp lành. Lợi ích yên vui cho tất cả hữu tình, mạnh mẽ, không có xen hở, không có điên đảo và tính siêng năng của thân, ngữ, ý đã khởi này, gọi là Tiến tới tự tánh. Tất cả, nghĩa là tại gia, xuất gia đều có ba thứ:

- 1- Mặc áo giáp
- 2- Nhiếp thiện
- 3- Nhiều ích

Mặc áo giáp. Nghĩa là các Bồ-tát trước phát gia hạnh tinh tấn, tâm Bồ-tát mạnh mẽ, trước mặc áo giáp thế nguyện, nếu ta vì giải thoát nỗi khổ của tất cả hữu tình, nên dùng một ngàn đại kiếp v.v... ngày đêm ở Na-lạc-ca, không ở cõi khác, chứng được Bồ-đề. Nếu vượt qua số kiếp

thời gian gấp bội 100.000 câu-chi này, mới chứng Bồ-đề, thì sự dũng cảm mạnh mẽ của ta cũng không có lui sụt khuất phục. Đối với cầu Bồ-đề chẳng phải không tiến tới thú hưởng. Đã tiến tới thú hưởng rồi, thì siêng năng mạnh mẽ không có lười biếng, hưởng chi đã trải qua nỗi khổ mộng mênh, ngăn ngại của thời gian, gọi tinh tấn mặc giáp.

Tinh tấn nhiếp thiện. Có thể làm sáu gia hạnh có khả năng thành xong sáu độ. Ở đây lại có bảy:

- 1- Tinh tấn không có lay động. Tất cả phân biệt vốn tùy thuận hoặc, vì chạm sát khổ của dị luận không lay động.
- 2- Tinh tấn vững chắc, vì ân cần trân trọng gia hạnh.
- 3- Tinh tấn vô lượng có thể hiện chứng tất cả xứ minh.
- 4- Tinh tấn tương ứng với phương tiện, nghĩa của đối tượng nên được, không có điên đảo, vì thuận với thông đạt.
- 5- Tinh tấn không trái ngược, vì muốn chứng đắc nghĩa, do nguyện dắt dẫn.

6- Tinh tấn hằng thường vì gia hạnh vô gián.

7- Tinh tấn lìa mạn, do khuyến tinh tấn vì lìa tự đề cao.

Do đây, chứng mau chóng tất cả nhân duyên hơn hết của tất cả pháp lành của Bồ-đề Vô thượng.

Thế nào là tinh tấn lợi ích hữu tình? Ở đây có mười một, như phẩm giới nói: “Giới kia, tinh tấn này, sự khác nhau kia, ở đây khó thực hành tinh tấn, lược có ba thứ”:

1- Vô gián xa lìa tướng áo, tướng cơm, tướng nằm, tướng thân. Đối với điều lành không có xen hở, tu không có lười biếng, bỏ dở, gọi là điều khó thứ nhất.

Tinh tấn như thế, tâm chúng đồng phần, đối với tất cả thời lượng, không hề có lười biếng, bỏ dở, gọi là điều khó thứ hai. Bình đẳng thông đạt tương ứng với công đức, không thông thả, không gấp vội, không có ngược ngạo, có công năng dẫn phát tinh tấn của nghĩa lợi, gọi là điều khó thứ ba.

Tất cả môn: Lược có bốn thứ:

- 1- Tinh tấn lìa pháp nhiễm.
- 2- Tinh tấn dẫn pháp của mình.
- 3- Tinh trừ nghiệp
- 4- Tinh tấn thêm lớn trí tuệ.

Tinh tấn của Thiện sĩ, lược có năm thứ:

1- Tinh tấn không có đối tượng xả bỏ, vì không bỏ tất cả gia hạnh về dục.

2- Tinh tấn không có lùi, giảm, vì như trước đã thọ thuận theo nuôi lớn.

3- Tinh tấn không có thấp kém; dũng mãnh, mạnh mẽ, sách lệ trong thời gian dài, vì không có khiếp sợ, không có lui sụt.

4- Tinh tấn không có trái ngược, dẫn dắt đến nghĩa lợi, vì gìn giữ, thuộc về phương tiện khéo léo.

5- Siêng năng mạnh mẽ gia hạnh tinh tấn, có thể tiến nhanh chóng thú hưởng đối với Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề.

Tinh tấn Nhất thiết chủng có sáu thứ, bảy thứ, tổng cộng có mười ba thứ. Sáu thứ là:

1- Tinh tấn vô gián: bất cứ lúc nào cũng tu gia hạnh.

2- Tinh tấn ân trọng: vì công năng tu gia hạnh đầy đủ khắp.

3- Tinh tấn đẳng lưu: được năng lực của nhân trước nhiệm trì.

4- Tinh tấn gia hạnh: vì thường tư duy, lựa chọn gia hạnh của phẩm lành.

5- Tinh tấn không có nghiêng động: Vì tất cả xúc chạm khổ không thể dao động.

6- Tinh tấn không có hỷ túc: vì không hỷ túc trong sự chứng yếu kém, nên lời trong kinh nói, có năm thứ như: Thế, v.v...

Bảy thứ gồm:

1- Tinh tấn cùng thực hành với dục, thường mạnh mẽ, nhạy bén đối với Bồ-đề, vì dục nguyện thuận theo nuôi lớn.

2- Tinh tấn tương ứng với bình đẳng: bản tùy phiền não, không ô nhiễm tâm, có thể đối với pháp lành, v.v... tu tập mà an trụ.

3- Tinh tấn của Thắng tấn, nếu tâm triền, tâm nhiễm, vốn tùy thuộc hoặc vì biểu thị rõ tinh tấn, vì như chữa lửa cháy đầu.

4- Siêng năng cầu tinh tấn: siêng năng cầu xứ mình, vì không nhàm chán, mệt mỏi.

5- Tinh tấn tu học. Đối với pháp đã học, tùy pháp hạnh vì có thể thành xong.

6- Tinh tấn lợi tha. Đối với mười một thứ tương ứng của thuyết trước, vì biết tương chúng.

7- Tinh tấn khéo hộ. Tất cả tinh tấn, khởi gia hạnh khéo tự giữ gìn, vì phạm ăn năn như pháp.

Thú vui của hai đời, như nhẫn nên biết, thanh tịnh lược có mười thứ:

1- Tinh tấn tương xứng.

2- Tập quán.

- 3- Không có thông thả, chằm rãi.
- 4- Khéo nhiếp.
- 5- Tu tập vào thời gian thích hợp.
- 6- Thông suốt các tướng.
- 7- Không lui sụt, yếu kém.
- 8- Không xả bỏ khó khăn.
- 9- Bình đẳng.
- 10- Hồi hướng.

Tương xứng với đại Bồ-tát. Vì dứt các tùy phiền não kia kia, nên tu pháp môn đối trị tương xứng với đại Bồ-đề kia, như vì dứt trừ tánh tham, tu bất tịnh, v.v... pháp môn đối trị khác, y theo môn này, nên biết.

Chín môn tĩnh lự: Tự tánh nghĩa là các Bồ-tát đối với tạng Bồ-tát, văn, từ là ưu tiên, tất cả diệu thiện thế gian xuất thế gian, tâm nhất tánh cảnh, tâm chánh an trụ; hoặc phẩm Xa-ma-tha; hoặc phẩm Tỳ-bát-xá-na; hoặc song vận tự tánh của đạo Tĩnh lự.

Tất cả Tĩnh lự, lược có hai thứ: Tức thế gian, xuất thế gian. Ở đây đều có hiện pháp lạc trụ, có công năng dẫn sinh công đức đẳng trì của Bồ-tát, lợi ích hữu tình, tất cả thân, tâm tĩnh lự khinh an, lìa lỗi dứt tướng, gọi là hiện pháp lạc, năng dẫn mười phương giải thoát nguyện trí, v.v... gọi là công năng dẫn.

Lợi ích tĩnh lự đối với nghĩa lợi, dẫn dắt các hữu tình, sự nghiệp kia làm bạn giúp đỡ, có khổ vì trừ. Đối với các hữu tình, y cứ đúng như lý mà nói. Đối với người có ơn, biết ơn, trả ơn. Đối với kẻ sợ hãi, thì cứu giúp. Đối với chỗ tang, mất, hay cởi mở nỗi lo rầu. Đối với người thiếu thốn, bố thí cho mọi điều lành, sửa chữa chế ngự các hữu tình, khéo tùy tâm chuyển. Đối với người thật sự có đức, khen ngợi, cho họ vui mừng; đối với lỗi lầm của các hữu tình, có thể chân chánh điều phục, vì vật hiện thông, dẫn dắt kẻ e sợ.

Gọi tất cả Tĩnh lự khó thực hành, lược có ba thứ:

Đã có khả năng an trụ tĩnh lự cùng cực thiện cao siêu rộng lớn, vì lợi hữu tình, sinh trở lại cõi Dục, gọi là nỗi khổ khó thứ nhất.

Y chỉ Tĩnh lự có thể phát vô lượng đẳng trì của Bồ-tát, vượt ngoài cảnh sở hành của Nhị thừa gọi là điều khó thứ hai.

Y chỉ Tĩnh lự mau chóng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, gọi là cái khó thứ ba.

- Môn tất cả có bốn:

- 1- Tĩnh lực có tâm, có từ.
- 2- Hỷ đều có vận hành tĩnh lực.
- 3- Lạc đều có vận hành tĩnh lực.
- 4- Xả, đều có vận hành tĩnh lực.

Thiện sĩ có năm:

- 1- Tĩnh lực không có vị ái.
- 2- Từ cùng vận hành.
- 3- Bi cùng vận hành.
- 4- Hỷ cùng vận hành.
- 5- Xả cùng vận hành tĩnh lực.

Nhất thiết chủng có sáu thứ, bảy thứ:

Nói sáu thứ là:

- 1- Tĩnh lực thiện
- 2- Biến hóa vô ký
- 3- Phẩm Xa-ma-tha
- 4- Phẩm Tỳ-bát-xá-na
- 5- Lợi mình, lợi người, chánh xem xét tư duy.
- 6- Tĩnh lực có công năng dẫn phát công đức oai lực thần thông.

- Nói bảy thứ là:

- 1- Gọi là duyên tĩnh lực.
- 2- Duyên nghĩa.
- 3- Duyên tướng chỉ.
- 4- Duyên tướng nêu.
- 5- Duyên tướng xả.
- 6- Hiện pháp lạc trụ.
- 7- Công năng lợi ích cho người.

Câu toại ý có tám:

- 1- Đối với các tai họa: thuốc độc, sương, bão, tĩnh lực có công năng chấm dứt, công năng trở thành đối tượng nương tựa của chú thụât.
- 2- Đối với cõi trái với tĩnh lực có công năng dứt trừ mọi tai họa đã sinh.
- 3- Vào lúc xảy ra các hỏa tai, đói khát, nắng hạn, v.v... hiện ở trước, tĩnh lực khởi mưa cam lộ.
- 4- Đối với chúng sinh sợ hãi, có khả năng giúp.
- 5- Đối với các loại hữu tình thiếu ăn, đọa ở vùng hoang dã, có khả năng bố thí cho thức uống ăn.
- 6- Đối với hữu tình đã hóa độ bị thiếu thốn tài vật thì bố thí cho

tài vật.

7- Đối với hữu tình buồng lung ở các cõi mười phương, thì có khả năng can ngăn thích đáng, răn dạy.

8- Đối với các hữu tình, thuận theo đối tượng sinh khởi, nên tạo ra tính lự, thì tạo ra tính lự.

Niềm vui của đời này, đời khác có chín:

1- Thần thông biến hiện, tính lự điều phục hữu tình.

2- Ghi nhận nói biến hiện điều phục hữu tình.

3- Răn dạy biến hiện điều phục hữu tình.

4- Đối với người gây ra điều ác, thì thị hiện cõi ác.

5- Đối với kẻ mất biện tài, thì bố thí cho biện tài.

6- Đối với người mất đi sự nhớ nghĩ, thì bố thí cho sự nghĩ nhớ.

7- Chế tạo, kiến lập luận không có điên đảo, khen tụng Ma-trở-lý-ca mầu nhiệm, giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài.

8- Đối với chỗ công nghiệp khéo léo của thế gian, thì đem đến nghĩa lợi, các công cụ giúp cho sự sống có thể thuận theo tạo ra tính lự.

9- Đối với hữu tình được hóa độ bị đọa vào đường ác, vì muốn tạm thời dứt mọi nỗi khổ kia, nên Bồ-tát phát ra ánh sáng rực rỡ, soi rọi xúc chạm tính lự.

Tính lự thanh tịnh lược có mười:

1- Do thế gian thanh tịnh, lìa các vị ái, tính lự thanh tịnh.

2- Do xuất thế thanh tịnh, không có ô nhiễm.

3- Do gia hạnh thanh tịnh.

4- Do được căn bản thanh tịnh.

5- Do căn bản Thắng tấn thanh tịnh.

6- Do nhập trụ tự tại thanh tịnh.

7- Xả tính lự rồi, lại chứng nhập tự tại thanh tịnh.

8- Thần thông biến hóa tự tại thanh tịnh.

9- Con đường thanh tịnh lìa tất cả kiến.

10- Tính lự thanh tịnh tất cả phiền não, sở tri chướng.

Chín môn tuệ:

1- Tự tánh. Nghĩa là khả năng ngộ nhập tất cả sở tri và đã ngộ nhập tất cả sở tri. Lựa chọn các pháp duyên khắp tất cả xứ năm minh chuyển vận, tức tự tánh tuệ.

2- Tất cả có hai, là thế gian và xuất thế gian. Đây đều có ba:

a- Hay đối với sở tri chân thật, thuận theo giác tuệ thông đạt.

b- Hay đối với năm xứ minh như đã nói và trong ba nhóm, quyết

định tuệ khéo léo.

c- Tạo ra tuệ nghĩa lợi cho tất cả hữu tình.

Người khó thực hành tuệ có ba hạng: Trí vô ngã có thể biết pháp rất sâu, gọi là điều khó thứ nhất, trí phương tiện có khả năng hiểu rõ, điều phục hữu tình, gọi là điều khó thứ hai.

Trí vô chướng ngại cảnh giới sở tri gọi điều khó thứ ba.

Môn Tất cả: lược có bốn thứ: hai tuệ tư văn, và thắng diệu trong Ba tạng và tùy chuyển nên làm, tuệ thôi dứt đối tượng không nên tạo tác và vô lượng tuệ của địa Tam-ma-hý-đa thuộc về năng lực tu tập.

Tuệ Thiện sĩ có năm:

1- Lắng nghe chánh pháp, Tuệ do tu tập mà thành.

2- Tuệ cùng vận hành, chánh tác ý bên trong.

3- Tuệ cùng vận hành, phương tiện của hạnh lợi mình, lợi người.

4- Tuệ quyết định thiện đối với các pháp.

5- Tuệ xả phiền não

Lại có môn khác:

1- Tuệ vi tế, ngộ nhập sở tri, như tánh sở hữu.

2- Tuệ đủ khắp, ngộ nhập sở tri, vì cùng tận sở hữu.

3- Tuệ câu sinh được nhóm họp thành bởi tư lương của trí đời trước.

4- Tuệ giáo đủ có thể đối với chư Phật đã nhập đại địa. Các chúng Bồ-tát đã nghe nghĩa pháp thọ trì đầy đủ.

5- Tuệ chứng đủ, từ địa tịnh ý lạc, cho đến thọ thuộc về đại rất ráo.

Nhất thiết chủng có sáu thứ, bảy thứ:

Sáu thứ là tận trí vô sinh của bốn đế, đó gọi là sáu tuệ.

Bảy là pháp trí, loại trí, trí thế tục, trí thần thông, trí tướng, trí hạnh trước mười lực và trí lý chánh đạo trong bốn đạo lý.

Cầu tuệ toại ý có tám:

1- Trí của môn khác y chỉ pháp, nghĩa là tuệ vô ngại của pháp.

2- Trí y chỉ pháp tướng.

3- Trí y cứ pháp, giải thích về từ.

4- Trí dựa vào sự sai biệt câu, loại của phẩm pháp, tức ba vô ngại giải.

5- Bồ-tát dùng tất cả tuệ chiết phục các luận khác.

6- Bồ-tát vận dụng tất cả tuệ để thành lập luận mình.

7- Bồ-tát sử dụng tất cả tuệ để dạy bảo đúng, mở mang làm tuệ gia sản thuộc về Tông chỉ.

8- Bồ-tát khéo hiểu tất cả, các thứ tuệ thế gian của vua.

Niềm vui của hai đời có chín, nghĩa là các Bồ-tát dùng tuệ đối với xứ nội minh khéo léo sáng suốt, tịnh khéo an trụ. Xứ bốn minh còn lại, khéo léo sáng sủa, chẳng phải an trụ tuệ. Tất cả Bồ-tát sử dụng tuệ thanh tịnh, sáng suốt, tất cả Bồ-tát dùng tuệ thanh tịnh, sáng suốt như thế đối với năm xứ minh, để làm y chỉ. Đối với ngu si, buông lung, yếu hèn, hữu tình đã được giáo hóa siêng tu chánh hạnh, như thứ lớp đó, thị hiện, trí tuệ giáo hóa, dẫn dắt khen ngợi, khích lệ, chúc mừng, an ủi.

Thanh tịnh có mười, đối với nghĩa chân thật có hai tuệ, nghĩa là do tánh tận sở hữu và như tánh sở hữu. Đối với lưu chuyển có hai tuệ, nghĩa là vì nhận lấy nhân quả thích đáng. Đối với nghĩa chấp thọ, có hai tuệ, nghĩa là đảo, không đảo, vì biết rõ như thật. Về nghĩa phương tiện có hai tuệ, nghĩa là nên làm, không nên làm, vì biết như thật. Về nghĩa rốt ráo có hai thứ tuệ, nghĩa là vì biết rõ như thật về nhiễm, tịnh.

- Môn Năm tướng gọi là Ba-la-mật:

Du-già quyển 75 chép: “Tất cả bố thí của các Bồ-tát, lược có năm thứ tương ứng với công đức, được nhập số đến bờ bên kia của Bồ thí”:

- 1- Không có chấp mắc.
- 2- Không có tham luyến.
- 3- Không có tội.
- 4- Không có phân biệt.
- 5- Hồi hướng.

Như bố thí, thì giữ giới, v.v... nên biết cũng như vậy không có chấp mắc, nghĩa là đối với pháp chương của tất cả các thứ bố thí v.v... không có trở ngại, không có tham luyến. Nghĩa là đối với có nhiễm và tâm trong quả kia không có trói buộc, chấp mắc.

Không có tội, nghĩa là xa lìa các tùy phiền não như nhất thiết chủng thí v.v... Không có phân biệt nghĩa là đối với thí v.v... không quán tự tánh biến kế sở chấp.

Hồi hướng. Nghĩa là nhờ tất cả các hạnh nguyện như thí, v.v... mà được quả Bồ-đề, đối với chín môn trước, đều thuận theo quyết định rõ ràng.

- Môn bảy tướng thanh tịnh như bố thí, v.v...

Luận Du-già quyển 74 chép: “Tuệ thí mà Bồ-tát đã vận hành, do bảy tướng, mới được thanh tịnh. Đó là thí tịnh, giới tịnh, kiến tịnh, tâm tịnh, ngữ tịnh, trí tịnh, cấu tịnh đều có mười tướng.

Mười tướng thanh tịnh đầu tiên”, là:

- 1- Thí rộng lớn. Nghĩa là rất nhiều sự khác nhau.
- 2- Thí bình đẳng. Vì không có thêm bớt.
- 3- Thí hợp thời, vì tương đương với đối tượng ưa thích.
- 4- Thí diệu thượng: đầy đủ về sắc, v.v...
- 5- Thí thanh tịnh, không bị lẫn lộn, như bản bởi vật bất tịnh.
- 6- Thí đúng pháp: vì tương ứng với vô tội.
- 7- Thí tùy theo sự ưa thích: nghĩa là thuận theo người cầu xin, là đối tượng ưa thích.
- 8- Thí lợi ích. Vì thuận theo đối tượng thích hợp của người cầu xin kia.
- 9- Thí ngay hoặc thí dần dần, vì xét tâm người cầu kia.
- 10- Thí vô gián, vì không có chấm dứt.

Mười tướng của giới tịnh.

- 1- Tài vật do phát tâm siêng năng tinh tấn đạt được mà dùng để tuệ thí.
- 2- Vật do tự sức cánh tay tạo nên mà bố thí.
- 3- Vật lìa như bản mà dùng tuệ thí.
- 4- Bố thí đúng pháp.
- 5- Đúng như pháp được bố thí.
- 6- Bố thí để dứt trừ các điều ác.
- 7- Bố thí để điều phục các căn.
- 8- Bố thí ân cần, trân trọng, cung kính.
- 9- Tự tay bố thí.
- 10- Đối với người giúp việc của mình từ trước đã thực hành ơn nuôi dưỡng; về sau tuệ thí cho người đến cầu xin.

Mười tướng của cái thấy thanh tịnh:

- 1- Không tính toán suy lường khả năng thực hành bố thí của ta.
- 2- Không đem mình suy lường bố thí cho người.
- 3- Không nghĩ người khác sẽ bố thí trả lại.
- 4- Không nghĩ đương lai sẽ được giàu vui mà bố thí.
- 5- Không nghĩ là bố thí không có hết quả.
- 6- Không quán quả không giống nhau của bố thí để thí cho.
- 7- Không nghĩ bố thí có quả điên đảo để bố thí.
- 8- Bố thí cho không nghĩ giết hại để làm bạn bè.
- 9- Không nghĩ sự tốt lành kỳ lạ để bố thí.
- 10- Thí cho không vì tiếng khen.

Mười tướng của tâm thanh tịnh:

- 1- Tâm thương xót mà bố thí.
- 2- Tâm quý báu: là đối tượng thí.
- 3- Bố thí với Tâm bình đẳng.
- 4- Bố thí để điều phục tâm như.
- 5- Bố thí với tâm vui hơn khổ: nghĩa là do bảy tướng:
 1. Đối với người cầu xin ở vị lai, vì phát tâm vui vẻ.
 2. Đối với người đến cầu xin, lúc mới thấy đã tịnh tín.
 3. Vào lúc thí sinh tâm vui vẻ.
 4. Vì sinh tâm định tĩnh
 5. Vì sinh không đầy đủ.
 6. Vì sinh tâm không lo buồn
 7. Vì thí rồi, tâm không tiếc rẻ ăn năn.
- 6- Tâm nhẫn nhục mà bố thí, vì không nhàm chán, mỗi mệt.
- 7- Dùng tâm từ bố thí cho người nào hại.
- 8- Dùng tâm bi đối với người bi khổ.
- 9- Dùng tâm vui vẻ bố thí cho người có công đức.
- 10- Dùng tâm xả thí cho bạn thân.

Mười tướng của ngữ thanh tịnh:

- 1- Trước đối với vật thí, tự ý người xin kia.
- 2- Nếu khi người kia đến, gọi là điều lành tới.
- 3- Không nhăn mặt, buồn rầu, vẻ mặt nhìn bình thản, mỉm cười trước khi nói.
- 4- Dùng lời nói mềm mỏng, trình bày, an ủi.
- 5- Từ lời nói không có ngăn cách này, sẽ thí cho ông tài vật đáng yêu.
- 6- Nói ra lời bố thí.
- 7- Nếu lời nói của người kia làm chướng ngại, dù cho phân bố, cũng không phát ra lời nói thô.
- 8- Đối với người ăn xin, không chê mắng.
- 9- Nếu không có vật bố thí, thì dùng lời nói chính đáng, mà từ chối, hứa khi nào có sẽ cho.
- 10- Đối với người ăn xin, không bao giờ quở trách, cười chê trước mặt họ, khiến cho họ xị mặt.

Mười tướng của trí thanh tịnh:

- 1- Do tuệ thí, nên trí thanh tịnh.
- 2- Do người cầu xin, nên trí thanh tịnh
- 3- Do thí vật mà có trí.
- 4- Do thí mà có trí gia hạnh.

- 5- Trí do bố thí, mà thành thực hữu tình.
- 6- Trí do phương tiện khéo léo.
- 7- Trí do diệt lỗi lầm tai hại của các dục.
- 8- Trí do trừ bỏ nhớ bần.
- 9- Trí do bạn bè xa lìa nhiếp thọ.
- 10- Trí do che giấu thanh tịnh của sáu phương.

Do tuệ thí mà được trí thanh tịnh: Hiểu rõ về thể tướng, danh ngôn của thí.

Trí thanh tịnh của người cầu xin: Vì trụ tướng ruộng phước, người trí thí vật: Đối với nghề khéo léo, nhanh chóng, có thể gom góp vật mà tuệ thí.

Gia hạnh: Chớ khiến cho người cầu xin cảm thấy quá mệt mỏi, v.v... Trí khéo léo của phương tiện: Giáo hóa, dẫn dắt sao cho việc thực hành thí được bình đẳng, trừ mười bốn nghiệp nhớ bần, do người trí nhiếp thọ xa lìa bạn. Lìa bốn bạn ác, gần gũi bốn bạn lành mà thực hành bố thí.

Người trí che giấu sáu phương: che giấu sáu phương mà thực hành tuệ thí. (Ba môn tiếp theo này như phẩm An lạc trong Kinh Pháp Hoa nói).

Mười tướng thanh tịnh nhớ bần:

- 1- Bỏ nhớ lười biếng.
- 2- Bỏ nhớ tham.
- 3- Bỏ nhớ giận.
- 4- Bỏ nhớ si.
- 5- Bỏ nhớ chướng, có bốn chướng.

- 1- Không có tập quán.
 - 2- Thiếu thốn.
 - 3- Mê đắm ham vui.
 - 4- Quán sát hiệu quả.
- Trên đây là lìa vết nhớ phi đạo lý.

- 6- Khéo phân bố.
- 7- Do viên mãn bố thí.

Lìa vết nhớ giảm ít này có hai:

- a- Sự viên mãn.
- b- Viên mãn ý ưa thích.

Sự viên mãn có bảy:

- 1- Bố thí tài sản.
- 2- Bố thí cõi nước.

- 3- Bố thí hữu tình.
- 4- Bố thí trang nghiêm.
- 5- Bố thí nhà cửa.
- 6- Bố thí chỗ ở.
- 7- Bố thí cho trong thân.

8- Do thí thanh tịnh, là vết nhơ không thanh tịnh, do mười thứ thanh tịnh, tức không có chấp mắc, không có nhận lấy, v.v...

9- Khéo quán sát sự thí cho, là vết nhơ tuệ ác, nghĩa là quán sát vật thí; quán sát ý ưa thích, quán sát người kia là ruộng phước.

Quán vật: Quán sự chứa chất vượt hơn của dụng, quán công dụng vượt hơn của sự bố thí, vì lợi ích cho người.

Quán ý ưa thích có bốn: Đối với nhân, không có ý ưa thích điên đảo, không có ý ưa thích đối với quả, ý ưa thích sinh sự thương xót, và ý ưa thích trí viên mãn.

Năm tướng quán ruộng phước:

- 1- Ở chỗ này người cầu xin có thể được.
- 2- Ở chỗ này đã có cầu xin, lại thêm người nghèo khổ, thiếu thốn.
- 3- Ở chỗ này, đã có người nghèo khổ, thiếu thốn, lại không có nơi nương tựa, cậy nhờ.
- 4- Ở chỗ này có không có nơi nương tựa, cậy nhờ, lại thêm hiện hành hành vi ác.
- 5- Ở chỗ này dù không có các thảm trạng này, nhưng có tu hành.

10- Đủ đức phương tiện mà thực hành tuệ thí, là lỗi không có phương tiện, nghĩa là bố thí theo thói quen, thương xót hữu tình, chẳng sá gì đến thân mạng mình. Vô thượng Bồ-đề của trí nghĩa chân thật, giáo hóa, dẫn dắt thẳng giải, ở chỗ bị ép ngặt bởi sức mạnh, mặc tình trả ơn và thần lực.

- Môn bảy thứ chẳng phải ruộng, không nên bố thí: Chẳng phải ruộng, không nên bố thí có bảy:

- 1- Người cầu xin rất bạo ác, đã từng thù oán, hãm hại người quy y; vì oán ghét, hãm hại mà có sự mong cầu.
- 2- Khuyên làm việc lành, cuối cùng không thể được.
- 3- Tâm hư hoại ô nhiễm, vì sự ô nhiễm mà có cầu xin.
- 4- Vì tổn não mà có cầu xin.
- 5- Kể cầu xin hoặc tự là ma, hoặc bị yêu ma mê hoặc cầu xin không đúng chỗ.

6- Cha mẹ cầu xin hoặc lại thuận theo một vật không phải đối tượng bố thí.

7- Vì sự vô nghĩa.

Chín môn bốn nhiếp thí độ như trước.

Ái ngữ tự tánh, đối với các hữu tình thường ưa nói năng vui vẻ, ngữ vừa ý, ngữ chân thật, ngữ pháp, dẫn nhiếp ngữ nghĩa, là tự tánh ái ngữ.

Tất cả ái ngữ, lược có ba thứ:

1- Lập ra ngữ dụ, an ủi, thường đối với hữu tình, xa lìa vẻ buồn rầu, mặt ủ mày ê. Trước là nói ra lời tốt lành với dung nhan thư thái bình thản nhìn, mỉm cười làm đầu. Hoặc hỏi thăm sức khỏe, yên ổn; hoặc hỏi các chỗ thích hợp điều hòa. Hoặc hỏi về sự vui vẻ ngày, đêm; hoặc dạy khéo tiến tới trước; dùng các tướng này để hỏi han, an ủi hữu tình.

2- Nếu nói lời vui vẻ, thì do lời nói này. Nếu thấy vợ con, của cải, lúa gạo, rất thịnh vượng của hữu tình mà không tự biết, như nên giác ngộ để chúc mừng vui vẻ; hoặc biết tín, giới, văn, xả, tuệ tăng, cũng lại chúc mừng.

3- Nêu là lời cao đẹp lợi ích, tuyên nói tất cả các đức, ngữ tương ưng với giáo pháp viên mãn, đem lại lợi ích yên vui cho tất cả hữu tình, thường luôn hiện tiền, dùng lời nói ích lợi vượt hơn mà làm lợi ích.

Ái ngữ khó thực hành: Lược có ba thứ: Đối với bạn ác, kẻ thù hay giết hại, dùng tâm thiện tịnh, tâm không có vấn đục, như nhớp, suy nghĩ lựa chọn vì nói ba ngữ như trước, gọi là điều khó thứ nhất. Các chỗ hữu tình căn cơ chậm lụt, ngu si của phẩm thượng kia, tâm không lo nghĩ hoài nghi, tư duy, lựa chọn, vì chúng nói các thứ giáo pháp, thể cam chịu mệt nhọc, như lý, như pháp, khéo gồm thâu lấy, gọi là điều khó thứ hai. Đối với sự nịnh hót, xảo trá, lừa dối của hữu tình kia, đối với ruộng phước chân thật của bậc tôn giả, Trưởng lão, các chỗ hữu tình gây ra hành vi ác bất chính, không có tâm ngờ vực, hờn dỗi, không có tâm giận nảo, suy nghĩ, lựa chọn, vì nói ba thứ ngữ như trước kia, gọi là điều khó thứ ba.

Ngữ của môn tất cả có bốn:

1- Muốn dứt trừ các cái, thú hưởng điều lành, vì nói tác pháp của thời gian trước.

2- Xa lìa các cái, tâm điều phục điều lành, vì nói tăng tấn chánh pháp tương ưng với bốn Thánh đế.

3- Tại gia, xuất gia phần nhiều buông lung: Dạy bảo, can ngăn không có điên đảo, vận dụng phương tiện khiến cho họ lìa bỏ buông

lung, đi, đứng, hành vi không buông lung.

4- Người thường nghi ngờ đối với các pháp, vì khiến họ lia nghi ngờ ở đương lai, nên nói chánh pháp bàn luận, quyết định lựa chọn.

Ái ngữ của Thiện sĩ lược có năm thứ, vì chúng sinh được Phật hóa độ nói rằng: “Như Lai và các Bồ-tát có pháp nhân duyên; có pháp xuất ly; có pháp đối tượng nương tựa; có pháp mạnh mẽ, quyết định và có pháp thân biến. Nếu pháp đã nói được chỗ có nhân, thì chế lập học xứ, gọi là có nhân duyên.

Nếu pháp đã nói, đối với học xứ đã thọ có sự hủy phạm, thì sẽ làm cho thanh tịnh trở lại, gọi là có xuất ly.

Nếu pháp Phật đã nói, thuộc về bốn y, thì sẽ lập ra pháp không có đảo ngược, pháp luật chánh hạnh, gọi là có đối tượng nương tựa.

Nếu pháp Phật đã nói, có công năng bảo cho biết rõ thích đáng rằng: thoát khỏi tất cả khổ, không lui sụt trở lại, gọi là có sức mạnh quyết đoán.

Nếu pháp Phật đã nói, tạo ra ba thân biến, thì tất cả pháp đã nói, sau cùng sẽ không vô ích, gọi là có thân biến.

Tất cả các thứ ái ngữ có sáu thứ, bảy thứ.

Nói sáu thứ là:

1- Đối với pháp nên nghe, khai cho ái ngữ.

2- Đối với pháp nên chế thì ngăn chế

3- Mở bày pháp môn các pháp.

4- Mở bày pháp tướng không có trái ngược.

5- Mở bày giải thích chỉ dạy không có đảo ngược ngôn từ các pháp.

6- Chỉ bày sự khác nhau giữa loại, phẩm, câu của pháp không có đảo ngược.

Bảy thứ là:

1- Ái ngữ an ủi, khuyến dụ.

2- Chúc vui vẻ.

3- Đối với hữu tình khác, tất cả công cụ giúp đỡ, tất cả đối tượng tạo tác ít mong muốn, kể cả chánh chí, ái ngữ rộng lớn ít hy vọng mong muốn.

4- An ủi, thương xót các thứ kinh sợ.

5- Thuộc về giảng nói như lý.

6- Vì muốn cho người ra khỏi chỗ bất thiện, ở yên chỗ thiện.

Chánh kiến, nghe, nghi, nêu lên quở trách.

7- Thỉnh người khác có năng lực ái ngữ làm lợi ích.

Cầu xin toại ý có tám, nghĩa là y chỉ bốn ngữ tịnh, khởi tám Thánh ngữ. Bốn ngữ thanh tịnh, là bốn nghiệp ngữ thiện, tám Thánh ngữ gồm thấy nói là thấy, v.v...

Niềm vui của hai đời trước có chín:

1- Dùng ái ngữ nói chánh pháp, dứt trừ nỗi lo lắng, tai nạn của thân thuộc.

2- Nói chánh pháp, dứt trừ nỗi lo lắng, tai nạn về tài sản, địa vị.

3- Nói chánh pháp, dứt trừ nỗi lo lắng, không có tai nạn bệnh tật.

4- Nói chánh pháp dứt trừ mọi đau khổ, tai nạn của giới tịnh.

5- Nói chánh pháp, dứt trừ mọi đau khổ, tai nạn của chánh kiến.

6- Nói chánh pháp khen ngợi giới thanh tịnh, viên mãn.

7- Nói chánh kiến, nhằm khen ngợi chánh kiến viên mãn.

8- Nói chánh pháp, nhằm khen phép tắc đẹp viên mãn.

9- Nói chánh pháp, nhằm khen chánh mạng tốt đẹp, ái ngữ viên mãn.

Ái ngữ thanh tịnh có hai mươi thứ, như tự tánh lợi hạnh của phẩm Lực ở trước. Do ái ngữ kia, vì các hữu tình thị hiện chánh lý, tùy thuận theo đối tượng thích ứng, đối với các đối tượng học; tùy thuận hạnh nghĩa lợi, pháp tùy, pháp hạnh, an trụ tâm bi trong hạnh như thế, không có tâm ái nhiễm, khuyến bảo, dẫn dắt, điều phục, ở chỗ yên ổn, để kiến lập.

Gọi tắt là tự tánh, tất cả hạnh lợi ích, lược có hai thứ:

1- Hữu tình chưa thành thực, có khả năng làm cho thành thực hạnh lợi ích.

2- Hữu tình đã thành thực, giúp cho giải thoát.

Hạnh lợi ích lại do ba môn:

a- Đối với lợi ích của Hiện pháp thì khuyến bảo, dẫn dắt, thực hành.

b- Đối với lợi ích của Hậu pháp thì khuyến bảo, dẫn dắt, thực hành.

c- Đối với lợi ích của Hiện pháp, Hậu pháp thì khuyến bảo, dẫn dắt, thực hành.

Đối với lợi hiện pháp thì khuyến bảo dẫn dắt, nghĩa là khuyến bảo, dẫn dắt, dùng pháp, nghiệp, đức, với tập, thủ hộ, tăng trưởng tài vật địa vị. Do đây, có thể đạt được tên gọi lớn và thú vui hiện pháp. Do thú vui của tứ cụ, nhiếp thọ an trụ. Đối với lợi ích của hậu pháp, thì khuyến bảo dẫn dắt, nghĩa là chánh khuyến bảo dẫn dắt từ bỏ tài sản, địa vị xuất gia thanh tịnh, tiếp nhận hạnh cầu xin để tự sống còn. Do đây, có thể khiến cho quyết định thu hoạch được thú vui hiện pháp.

Đối với lợi ích của Hiện pháp, hậu pháp khuyến bảo dẫn dắt: nghĩa là chánh khuyến bảo, dẫn dắt người tại gia, hoặc xuất gia, tu hành dần dần, thu hưởng lia dục. Do đây có thể khiến hiện được khinh an, về sau sẽ sinh lên các cõi trời thanh tịnh, hoặc bát Niết-bàn Vô dư y.

Hạnh lợi khó thực hành, lược có ba thứ:

Gốc lành vượt hơn chưa hiện hành trước kia, vì các hữu tình đã có khả năng thực hành hạnh lợi tha, gọi là điều khó thứ nhất, vì khó khuyến bảo, dẫn dắt.

Có nhân lành hiện tiền, ham vui, chấp mắc mọi công cụ địa vị, tài sản rộng lớn, viên mãn hạnh lợi ích hữu tình, gọi là điều khó thứ hai.

Buông lung rộng khắp, vì chuyển biến ham vui chấp mắc, nên đối với các ngoại đạo chấp mắc đạo khác, hạnh lợi của hữu tình tà hạnh, tà kiến, gọi là điều khó thứ ba.

Ngoại đạo kia vì chấp ngu si đối với tông mình, nên đối với pháp luật chân chánh, từng chấp trước, tất cả môn hạnh lợi có bốn, không tin trắng, hữu tình đối với niềm tin khuyến bảo, dẫn dắt, hữu tình phạm giới, đối với giới, khuyến bảo, dẫn dắt; hữu tình của tuệ ác, đối với tuệ, khuyến bảo, dẫn dắt; hữu tình keo kiệt đối với xả, khuyến bảo, dẫn dắt.

Hạnh lợi ích của Thiện sĩ, lược có năm thứ:

Đối với nghĩa chân thật, khuyến bảo, dẫn dắt hữu tình. Lúc thích hợp, nên khuyến bảo, dẫn dắt gồm thấu nghĩa nhiệm mầu khuyến bảo, dẫn dắt.

Đối với các hữu tình, mềm mỏng khuyến bảo, dẫn dắt.

Đối với các hữu tình, dùng tâm từ bi khuyến bảo, dẫn dắt.

Tất cả thứ hạnh lợi ích có sáu, bảy thứ:

Sáu thứ là nếu các hữu tình nên chánh nhiếp thọ thì chánh nhiếp thọ, nên chánh điều phục thì chánh điều phục, ghét trái Thánh đạo, trừ não giận của họ. Người trụ trong xứ, khiến nhập Thánh giáo; đã nhập Thánh giáo, khiến cho họ được thành thực; đã thành thực, khiến họ được giải thoát.

Bảy, nghĩa là thuận theo chúng sinh đã được hóa độ. Đối với tư lương thiện, thủ hộ, nuôi lớn, thuận theo tiểu thừa, đại thừa; hoặc đối với xa lìa; hoặc đối với tâm nhất cảnh tánh; hoặc đối với các chương thanh tịnh; hoặc đối với tu tập, tác ý chỗ yên ổn thích hợp. Nếu có hạt giống Nhị thừa, thì đối với Nhị thừa mà ở chỗ yên ổn thích hợp. Nếu hạt giống Đại thừa, thì ở chỗ yên ổn của Đại thừa.

Người cầu toại ý hạnh lợi ích có tám, đó là thấy hữu tình ở chỗ đáng lẽ phải cảm thấy hổ thẹn vì bị triển bao vây ở chỗ triển không có

hổ thẹn; phương tiện khai mở, giúp cho lìa triền kia, đối với bảy triền còn lại cũng vậy.

Nếu vui của hai đời có chín, nghĩa là đối với hữu tình khác, dựa vào thân nghiệp thanh tịnh, khuyên lìa sát sinh, lìa không cho mà lấy, lìa hạnh tà dục, lìa tất cả Tốt-la-nhã, mê-lê-da, kể cả rượu, chỗ buông lung mặt-đà. Y chỉ nghiệp ngữ tịnh, khuyên lìa tất cả cách nói dối; không nói lời chia rẽ, lời nói thô, lời nói như nhớp. Dựa vào ý nghiệp tịnh, khuyên lìa tham, giận, si.

Hạnh lợi thanh tịnh có mười, dựa theo thanh tịnh bên ngoài có năm:

- 1- Lợi hạnh vô tội.
- 2- Không chuyển.
- 3- Dần dần.
- 4- Biến hành.
- 5- Như ứng.

Các hành vi ác: Ở trong các điều lành có thể ở yên ổn thích hợp, gọi là hành vi vô tội. Ở chỗ phi giải thoát, phi định thanh tịnh, vì cầu chân giải thoát; vì cầu định thanh tịnh, tức ở trong đó có thể khuyên bảo thích đáng, dẫn dắt, gọi là hành vi không chuyển đổi, biết khéo léo trong thua kém, thuận theo thứ lớp, vì nói pháp hạ, trung, thượng, răn bảo, truyền dạy, khiến tu hành dần dần, tất cả hữu tình tùy thuộc năng lực thực hành hạnh nghĩa lợi.

Người cầu niềm vui, tức ở trong đó, thuận theo từng loại, khuyên bảo, dẫn dắt, gọi là lợi biến hành. Đối với các hữu tình, nếu đối với công năng khác nhau của ba phẩm pháp lành của nghĩa mình, có thể khuyên bảo, dẫn dắt, và do công năng khác nhau của phương tiện, có thể khuyên bảo, dẫn dắt, thì đối với người cầu niềm vui kia, như phương tiện khuyên bảo, dẫn dắt, gọi là hạnh lợi tha như vậy.

Y cứ vào thanh tịnh bên trong, có năm hạnh lợi tha. Đối với các hữu tình, khởi bi rộng lớn, ý ưa thích hiện tiền mà thực hành hạnh lợi tha, đối với các hữu tình đã tạo ra nghĩa lợi, dù chịu tất cả sự siêng năng khó nhọc khổ lớn, mà tâm không có mỗi mệt, cảm thấy vui mừng sâu sắc mà thực hành hạnh lợi tha, dù chỗ yên ổn hiện tại là bậc nhất hơn hết, viên mãn tài sản, địa vị, mà tự khiêm tốn hạ mình như tôi tớ, cũng như đứa con hiếu thảo, con của chiêm-đà-la, tâm nó thấp hèn chịu khuất phục, lìa kiêu hãnh, ngạo mạn, ngã chấp, mà theo thực hành hạnh lợi tha. Đối với các hữu tình, tâm không có nhiễm ái, không có giả dối, thương xót chân thật mà thực hành hạnh lợi ích. Đối với các hữu tình

sinh tâm từ bi rớt ráo không còn lui sụt, mà vì thực hành hạnh lợi tha, nên gồm có mười.

Đồng sự: Nếu nghe là nghĩa, thì đối với gốc lành này, khuyến hóa thọ học xứ, đồng sự với người khác. Hữu tình đã được hóa độ, biết đồng với sự của mình, thọ học quyết định vững chắc không lui sụt, để suy nghĩ như vậy: “Quyết định có thể vì sự lợi ích, yên vui của ta và người, tự hiện hành nghĩa là chẳng phải ác, Bồ-tát đồng sự như thế, được gạn hỏi, rằng: “ông không thọ học xứ, thì làm sao khuyên bảo, dẫn dắt, truyền dạy người? Ông nên từ người khác, thưa hỏi, vâng lãnh sự răn dạy. Các Bồ-tát là đồng sự của người khác mà không tự chứng tỏ đồng sự với người khác, nghĩa là với năng lực bằng nhau mà không tự biểu lộ rõ, chẳng phải đồng sự với người, mà tự biểu hiện rõ đồng sự với người, nghĩa là hiện đời thấp kém mà vì dẫn dắt người khác. Có người là đồng sự của người, cũng tự biểu hiện rõ đồng sự với người, nghĩa là thấy gốc lành đáng hóa độ dao động, vì muốn cho họ trụ vững chắc, biểu hiện với đồng sự, hoặc tăng thêm, hoặc bằng nhau, chẳng phải đồng sự của người, cũng không tự biểu thị rõ đồng sự với người, nghĩa là tự hành động buông lung, xả bỏ việc của người”.

- Môn chín môn đều đắc quả:

Từ thí trước kia cho đến chín môn đồng sự đã được quả, nghĩa là tất cả thí, v.v... Hoặc tu tập nhiều, hoặc khéo thanh tịnh, hoặc viên mãn đầy đủ (ba môn này truyền đến các môn dưới) có công năng chiêu cảm quả chánh pháp tồn tại lâu dài của thân Kim Cương Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Khó thực hành, chiêu cảm quả pháp kỳ lạ, ít có của Như Lai. Tất cả môn đều được quả cúng dường của trời, người hữu tình trên hết.

Môn Thiệ sĩ được quả vượt hơn tối tôn của tất cả môn hữu tình.

Nhất thiết chủng được quả thân tướng tốt trang nghiêm, thuộc về vô lượng phước đức cao quý.

Môn cầu toại nguyện, có công năng chiêu cảm quả không nghiêng động, ma không thể nào hại Như Lai an tọa tòa Bồ-đề.

Môn hai đời được quả vui cùng cực đẳng trì, v.v... giải thoát tĩn lực hơn hết của Như Lai.

Môn thanh tịnh có công năng chiêu cảm quả thanh tịnh của bốn nhất thiết chủng của Như Lai, nghĩa là sở y tịnh, tâm tịnh, trí tịnh, vô biên quả vượt hơn, vô tội đáng ưa thích.

Môn mười nghiệp mắc phải quả báo mạng sống ngắn ngủi. Kinh

Nghiệp Báo Sai Biệt chép: “Có mười thứ nghiệp khiến cho chúng sinh mắc phải quả báo mạng sống ngắn ngủi:

- 1- Tự làm việc sát sinh.
- 2- Xúi giục người, khuyên họ sát sinh.
- 3- Khen ngợi sát sinh.
- 4- Thấy giết, tùy hỷ.
- 5- Đối với kẻ mình ghét, muốn cho họ chết.
- 6- Khi thấy kẻ thù chết rồi, tâm sinh vui mừng.
- 7- Làm hư thai người khác.
- 8- Bảo người hủy hoại.
- 9- Xây dựng miếu thờ trời, giết mổ chúng sinh để cúng tế.
- 10- Bảo người chiến đấu, tàn hại lẫn nhau.

- Môn mười nghiệp sống lâu:

Mười nghiệp khiến cho chúng sinh được quả báo mạng sống lâu dài:

- 1- Tự mình không giết hại chúng sinh.
- 2- Khuyên người khác không sát sinh.
- 3- Khen ngợi không sát sinh.
- 4- Thấy người khác không sát sinh, tâm sinh hoan hỷ.
- 5- Thấy kẻ sát hại kia, tâm dùng phương tiện cứu cho thoát khỏi.
- 6- Đối với người sợ chết, tìm cách an ủi tâm họ.
- 7- Thấy kẻ sợ hãi, bố thí cho họ không sợ.
- 8- Thấy người bệnh, khởi tâm từ bi.
- 9- Thấy tai nạn khẩn cấp, khởi tâm đại bi.
- 10- Dùng các thức uống ăn tuệ thí chúng sinh.

- Môn Mười nghiệp làm cho nhiều bệnh, không bệnh:

Mười nghiệp khiến cho chúng sinh mắc phải nhiều quả báo.

- 1- Thích đánh đập tất cả chúng sinh.
- 2- Khuyến khích người khác đánh đập.
- 3- Khen ngợi đánh đập.
- 4- Thấy người khác đánh đập, tỏ vẻ vui mừng.
- 5- Gây não loạn cha mẹ, làm cho tâm người lo buồn.
- 6- Não loạn Hiền, Thánh.
- 7- Thấy kẻ thù bệnh khổ, tâm rất vui mừng.
- 8- Thấy bệnh của kẻ thù được lành, tâm cảm thấy không vui.
- 9- Đối với kẻ thù bị bệnh, không cho chữa trị.

10- Ăn cách đêm chưa tiêu hóa mà lại ăn nữa.

Lại có mười nghiệp, có công năng giúp chúng sinh được quả báo không bị bệnh:

Bốn nghiệp đầu, trái với bốn nghiệp trước.

5- Cúng dường cha, mẹ, và người bệnh.

6- Thấy Hiền, Thánh bị bệnh, khám bệnh, chăm sóc.

7- Thấy bệnh kẻ thù được lành, tâm sinh vui mừng.

8- Thấy người bệnh khổ, thí cho thuốc hay, đồng thời cũng khuyên người khác thí cho.

9- Đối với bệnh khổ, khởi tâm từ bi.

10- Đối với thức uống, ăn tự có thể so lường tiết chế.

- Môn mười nghiệp xấu, tốt:

Mười nghiệp khiến cho chúng sinh được quả báo xấu, tốt:

1- Ưu hành động tức giận.

2- Ưu khởi tâm hờn dỗi, ngờ vực.

3- Mê hoặc, lừa dối người.

4- Não loạn chúng sinh.

5- Đối với cha, mẹ, không có tâm kính yêu.

6- Đối với các Hiền, Thánh tâm không sinh cung kính.

7- Chiếm đoạt ruộng vườn giúp cho sự sống của Hiền, Thánh.

8- Đối với tháp miếu thờ Phật, phá vỡ, tắt đèn sáng.

9- Thấy kẻ xấu xí, khinh chê xua đuổi.

10- Làm các hành vi ác.

Mười nghiệp giúp chúng sinh được quả báo khôi ngô, xinh đẹp.

1- Không giận dữ.

2- Thí cho y phục.

3- Kính yêu cha mẹ.

4- Tôn trọng Hiền Thánh.

5- Tu bổ, tô điểm tháp Phật.

6- Rưới quét điện đường.

7- Rưới quét đất của tăng

8- Rưới quét tháp Phật.

9- Thấy kẻ xấu xí, không sinh khinh dể, xua đuổi, khởi tâm thương xót.

10- Thấy người xinh đẹp tỏ ngộ nhân đời trước.

- Môn mười nghiệp khiến sinh vào dòng họ giàu sang hay thấp hèn:

Mười nghiệp khiến bị quả báo sinh vào dòng họ thấp hèn:

- 1- Không kính cha.
- 2- Không kính mẹ.
- 3- Không kính Sa-môn.
- 4- Không kính Bà-la-môn.
- 5- Đối với bậc tôn trưởng, không cung kính, hộ vệ.
- 6- Đối với bậc sư trưởng, không đón rước cúng dường.
- 7- Thấy Tôn giả không đón rước mời ngồi.
- 8- Đối với cha mẹ, không tôn trọng lời dạy bảo.
- 9- Đối với bậc Hiền, Thánh không vâng theo lời răn dạy.
- 10- Khinh miệt người thấp hèn.

Mười nghiệp được quả báo sinh vào dòng họ cao quý, trái với trước tức là mười nghiệp khiến chúng sinh bị quả có ít tiền của, tài sản:

- 1- Tự làm việc trộm cắp.
- 2- Báo người khác làm.
- 3- Khen người trộm cắp.
- 4- Thấy trộm cắp vui mừng.
- 5- Đối với cha mẹ, nghiệp sinh đã bị tổn giảm.
- 6- Đối với Hiền, Thánh, chiếm đoạt, tiền của tài sản.
- 7- Thấy người khác được lợi nhuận tâm không vui mừng.
- 8- Làm chướng ngại lợi nhuận mà người khác sẽ được, để gây khó khăn.
- 9- Thấy người khác làm việc bố thí, không có tâm tùy hỷ.
- 10- Thấy kẻ đói khát, tâm không thương xót, mà cảm thấy vui mừng.

Mười nghiệp khiến chúng sinh được nhiều tiền của, trái với trước rất dễ hiểu:

- Môn mười công đức lễ tháp:

Tiếp theo, văn giải thích rộng nghiệp báo khác nhau của nghiệp lần lộn. Lễ tháp miếu thờ Phật, được mười công đức:

- 1- Được sắc xinh đẹp, tiếng tốt.
- 2- Có nói ra lời gì mọi người đều tin chịu, khuất phục.
- 3- Ở trong chúng không sợ sệt.
- 4- Trời, người yêu mến, ủng hộ.
- 5- Đầy đủ oai thế.

- 6- Có oai thế, nên chúng sinh đều đến nương tựa.
- 7- Thường được gần gũi chư Phật, Bồ-tát.
- 8- Đủ phước báo lớn.
- 9- Qua đời, được sinh lên cõi trời.
- 10- Mau chứng Niết bàn.

- Môn mười công đức bố thí dù, lọng:

Kính thí lọng báu, được mười công đức:

- 1- Ở đời, như dù lọng che chở chúng sinh.
- 2- Thân, tâm yên ổn, lia các nóng bức.
- 3- Tất cả kính trọng, không dám khinh mạn.
- 4- Có oai thế lớn.
- 5- Thường được gần gũi chư Phật, Bồ-tát làm quyến thuộc với người có oai đức lớn.
- 6- Thường làm Chuyển Luân Thánh vương.
- 7- Luôn làm Thượng thủ, tu tập nghiệp lành.
- 8, 9, 10 Quả báo, như ba lễ Phật ở sau.

- Môn mười công đức bố thí cờ phướn:

Kính thí cờ phướn tơ lụa báu được mười công đức:

- 1- Ở đời, như cờ hiệu, vua chúa, đại thần, bạn thân, tri thức đều cung kính, cúng dường.
- 2- Rộng rãi, giàu có tự tại, có cửa báu lớn.
- 3- Tiếng tốt truyền đi khắp nơi.
- 4- Hình dáng trang nghiêm, mạng sống lâu dài.
- 5- Thường sinh ra chỗ nào đều thực hành bố thí vững chắc.
- 6- Có tiếng tăm.
- 7- Có oai đức.
- 8- Sinh vào dòng họ cao quý.
- 9- Khi chết, sinh lên cõi trời.
- 10- Mau được Niết bàn.

- Môn mười công đức bố thí nước uống:

Dùng chung, linh bố, thí được mười công đức:

- 1- Được âm thanh phạm.
- 2- Có tiếng tăm.
- 3- Diệt được mạng sống đời trước.
- 4- Lời nói ra được, mọi người yêu kính.

- 5- Thường có lòng bấu để tự trang nghiêm.
- 6- Có chuỗi anh lạc xinh đẹp để làm trang sức.
- 7- Diện mạo trang nghiêm, người thấy vui mừng; ba công đức còn lại, như ba lễ Phật ở sau.

- Môn mười công đức bố thí y phục:

Kính thí y phục được mười công đức:

- 1- Mặt mũi khô ngô.
- 2- Da thịt trơn láng.
- 3- Bụi nhơ không dính.
- 4- Sinh ra, đã đầy đủ y phục tốt đẹp.
- 5- Giường nằm cao sang, lòng che thân mình.
- 6- Có y phục hổ thẹn.
- 7- Người thấy yêu kính; ba công đức còn lại, y theo như trước.

- Môn bố thí đồ đựng và thức uống ăn được mười công đức:

Các bát đĩa, đồ đựng thức ăn đều được mười công đức, như kinh Vu-lan-bồn khen ngợi nói, không thể nêu bày nhiều.

- Môn mười công đức bố thí hương:

Kính thí hương hoa được mười công đức:

- 1- Ở đời như hoa.
- 2- Thân không hôi hám, nhơ nhớp.
- 3- Hương phước, hương giới bay khắp mọi nơi.
- 4- Hễ sinh ra chỗ nào tử căn đều không mất tác dụng.
- 5- Vượt hơn thế gian, được chúng sinh quy y.
- 6- Thân thường thơm sạch.
- 7- Ưa thích chánh pháp, được chuyển chánh pháp, thọ trì, khen tụng, ba công đức còn lại, y như trước.

- Môn mười công đức thí đèn:

Bố thí đèn sáng cho được mười công đức:

- 1- Soi sáng thế gian như đèn.
- 2- Hễ sinh ra chỗ nào, nhục nhãn đều không mất tác dụng.
- 3- Được mắt trời.
- 4- Đối với pháp thiện, ác, được trí tuệ chân chánh.
- 5- Xua tan bóng tối.
- 6- Được trí tuệ sáng suốt.

7- Lưu chuyển thế gian, thường không ở chỗ tối tăm. Ba công đức còn lại như trước.

- Môn mười công đức của việc cung kính chấp tay:

Cung kính chấp tay được mười công đức: 1- Được phước báo vượt hơn.

2- Sinh vào dòng họ tôn quý.

3- Được sắc xinh đẹp vượt hơn. 4- Được tiếng tăm vượt hơn.

5- Được lòng xinh đẹp vượt hơn. 6- Được biện tài vượt hơn.

7- Được niềm tin vượt hơn. 8- Được giới vượt hơn.

9- Được học rộng vượt hơn. 10- Được trí vượt hơn.

Sách này là con đường quan trọng của việc phát tâm tu hành, là nền tảng vững chắc của Bồ-đề, Niết-bàn, người cầu hạnh Phật không thể không y cứ. Theo đó, so sánh với năm trước, viện Tịnh Quang của vua phát nguyện mở đầu quyển thượng, về sau Bí-sô Tĩnh Chiếu chùa Quang Minh ở Danh Việt, Quan Đông phát thệ nguyện đặc biệt, khuyến hóa tịnh tài mấy mươi quan, đủ cho phí dụng khai bản, nhờ bạn đồng pháp là Bí-sô Chiếu Tuệ trợ giúp duyên in ấn. Mong được lưu thông mãi mãi, để mở rộng đại tâm.

Ngày 25 tháng 3 năm Canh Dần, niên hiệu Chánh Ứng năm thứ 3.

Sa-môn Tuấn Tôn chùa Tây Đại kính ghi.

KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM QUYỂN HẠ
(HẾT)